SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /TM-BVLVT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

THƯ MỜI

Về việc mời báo giá để tham khảo và lập dự toán mua sắm
Kính gửi: Quý công ty

Bệnh viện Lê Văn Thịnh trân trọng kính mời Quý Công ty tham gia gửi báo giá để bệnh viện tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức mua sắm theo thình thức đấu thầu rộng rãi cho gói thầu "Mua sắm hoá chất vật tư xét nghiệm năm 2026 – 2027" với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. **Đơn vị yêu cầu báo giá:** Bệnh viện Lê Văn Thịnh. Địa chỉ: 130 Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng, TP. Hồ Chí Minh.
2. **Thông tin liên hệ người tiếp nhận:** Ông Thượng Công Huy, SĐT: 0913.10.33.10
3. **Phương thức và thời hạn tiếp nhận:**

Báo giá bản chính gửi trực tiếp về: khoa Dược (phòng E219) – Bệnh viện Lê Văn Thịnh (130 Lê Văn Thịnh, phường Bình Trưng, thành phố Hồ Chí Minh)

Thời gian: Từ 10h00 ngày 19/3/2026 đến trước 10h00 ngày 01/4/2026.

4. **Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** 90 ngày kể từ ngày 01/4/2026

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. **Danh mục hàng hóa cần báo giá:** Phụ lục 1 *(file đính kèm)*
2. **Mẫu công ty báo giá:** Phụ lục 02 *(file đính kèm)*
3. **Địa điểm giao hàng:** Tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh.
4. **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng
5. **Loại hợp đồng:** Theo đơn giá cố định
6. **Thời gian giao hàng dự kiến:** 24 giờ, kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng.

7. **Dự kiến thời gian thanh toán:** 90 ngày, kể từ ngày bên mua nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

8. **Lưu ý:** Công ty phải cung cấp đầy đủ thông tin về hàng hóa tham dự chào giá (**theo mẫu**) và có thể đề xuất cụ thể về quy cách đóng gói, tiêu chuẩn chất lượng, xuất xứ cho các hàng hóa tham gia chào giá.

Rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác từ Quý Công ty.

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đăng tải trên trang mua sắm công và website của bệnh viện
- Lưu VT, KD (01b Ngọc)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

Trần Văn khanh

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN LÊ VĂN THỊNH

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI BÁO GIÁ
(Đính kèm theo Thư mời số 15/TM-BVLVT ngày 18/3/2026)

Stt	Stt lô	Tên hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị	Quy cách	Khối lượng
	LÔ 01 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU TỰ ĐỘNG (TB1)					
1	1.1	Hóa chất hiệu chuẩn máy máy xét nghiệm nước tiểu tự động	Hóa chất dùng hiệu chuẩn để có được các kết quả đọc trong mẫu nước tiểu về: màu sắc, độ trong, glucose, bilirubin, keton (axit acetoacetic), trọng lượng riêng, máu ẩn, pH, protein, urobilinogen, nitrit, bạch cầu và creatinin. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 chai x230ml/ Hộp	4
2	1.2	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu	Dùng để rửa máy, thành phần: Hexadecyltrimethylammonium hydrogen sulfate, magnesium chloridehexxahydrate surfactant Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Chai 26ml/ Hộp 4 chai	24
3	1.3	Que thử nước tiểu 12 thông số dùng cho máy phân tích nước tiểu hoàn toàn tự động	Que thử 12 thông số: Albumin, Bilirubin, Hồng cầu (Blood), Creatinine, Màu sắc, Glucose, Ketone, Leukocyte, Nitrite, pH, Protein, Urobilinogen. Máy tự động tính thêm 4 thông số : Tỉ trọng (SG), Độ trong, Albumin/ Creatinine (A/C) và Protein / Creatinine (P/C). Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	450 Test/ Hộp	100.000
4	1.4	Hóa chất sử dụng cho kiểm chuẩn dùng với máy phân tích nước tiểu (Control 1)	Các thông số kiểm chuẩn: Bilirubin, blood (hemoglobin), Creatine, ketones, SG, leukocytes Esterase, nitrite, pH, protein, urobilinogen, Glucose, Ascorbic Acid. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Chai 120ml/Hộp 2 chai	4
5	1.5	Hóa chất sử dụng cho kiểm chuẩn dùng với máy phân tích nước tiểu (Control 2)	Các thông số kiểm chuẩn: Bilirubin, blood (hemoglobin), Creatine, ketones, SG, leukocytes Esterase, nitrite, pH, protein, urobilinogen, Glucose, Ascorbic Acid. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Chai 120ml/Hộp 2 chai	4
	LÔ 02 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM NƯỚC TIỂU TỰ ĐỘNG (BT2)					
6	2.1	Hóa chất kiểm chuẩn cho máy phân tích sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động	Hóa chất sử dụng làm hóa chất kiểm chuẩn cho máy phân tích sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động Bao gồm: UC-CONTROL-L và UC-CONTROL-H và bao gồm các thông số sau đây Urobilinogen (URO), Máu (Hemoglobin) (BLD), Bilirubin (BIL), Ketones (KET), Glucose (GLU), Protein (PRO), pH, Nitrite (NIT), Bạch cầu (LEU), Creatinine CRE), Albumin (ALB), Tỉ trọng (SG). Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	UC-CONTROL-H: 10mL x 3; UC-CONTROL-L: 10mL x 3/hộp	12
7	2.2	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống máy sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Chai 50ml	32

8	2.3	Que nhúng sử dụng trên máy phân tích sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động	Que nhúng sử dụng trên máy phân tích sinh hóa nước tiểu hoàn toàn tự động gồm các thông số: Urobilinogen (URO), Máu (BLD), Hồng cầu (RBC), Hemoglobin (Hb), Protein (PRO), Glucose (GLU), Ketones (KET), Bilirubin (BIL), Nitrit (NIT), Bạch cầu (LEU), pH, Creatinine (CRE), Albumin (ALB). Tỷ lệ protein/creatinine (tỷ lệ P/C) và tỉ lệ albumin/creatinine (tỷ lệ A/C) được tự động tính toán theo các thuật toán được thiết lập sẵn từ máy xét nghiệm Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Que	100 que x 10 / Hộp	100.000
	LÔ 03 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH NHÓM MÁU TỰ ĐỘNG					
9	3.1	Card xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO và Rh (D) theo phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	Card cấu trúc 6 giếng dùng để thực hiện xét nghiệm định tính kháng nguyên nhóm máu ABO và D (Rh1) trên tế bào hồng cầu người và để xác định kháng thể nhóm máu dự kiến. Card bao gồm có 6 cột: Cột 1: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng từ động vật, có thể phát hiện hầu hết các phân nhóm phụ của kháng nguyên A (như A2, A3 và Ax) Cột 2: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng từ chuột, có thể phát hiện một số phân nhóm phụ của kháng nguyên B (như B3, Bx và Bm) Cột 3: Kháng thể đơn dòng Anti-D người (IgM) Cột 4: Dung dịch đệm được tối ưu hóa để sử dụng như tự chứng cho các xét nghiệm nhóm máu Cột 5 và 6: Dung dịch đệm được tối ưu hóa để sử dụng trong xét nghiệm nhóm máu ngược. Sử dụng trên máy tự động có khả năng trả kết quả ngưng kết 2 mặt card. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Card	100 card/ Hộp	40.000
10	3.2	Card xét nghiệm định tính IgG dạng kết hợp với hồng cầu	Card cấu trúc 6 giếng dùng để thực hiện xét nghiệm định tính để phát hiện kháng thể IgG dạng kết hợp với hồng cầu. Cassette bao gồm có 6 cột, Cột 1 đến 6: Globulin kháng người, Anti-IgG (Thỏ) (Green). - Sử dụng trên máy tự động có khả năng trả kết quả ngưng kết 2 mặt card Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Card	100 card/ Hộp	2.800
11	3.3	Card xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO phương pháp hồng cầu mẫu, kháng thể bất thường và hòa hợp	Card cấu trúc 6 giếng dùng để thực hiện xét nghiệm xác định kháng thể nhóm máu ABO dự kiến và sàng lọc kháng thể theo quy trình ngưng kết trực tiếp. Card bao gồm có 6 cột, Cột 1 đến 6: Chất tăng cường được tối ưu hóa để sử dụng trong xét nghiệm định nhóm máu ngược. - Sử dụng trên máy tự động có khả năng trả kết quả ngưng kết 2 mặt card Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Card	100 card/ Hộp	3.600
12	3.4	Khay 16 giếng pha loãng hồng cầu	Khay bao gồm các giếng pha loãng mẫu. Mỗi cái khay bao gồm 16 giếng. - Sử dụng trên máy tự động có khả năng trả kết quả ngưng kết 2 mặt card. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Cái	180 cái/ Hộp	2.880
13	3.5	Dung dịch đệm tăng cường phản ứng	Dung dịch đệm phosphat có nồng độ ion thấp (LISS) có chứa ≥ 0.03M natri clorua được sử dụng để tối ưu nồng độ ion cho sự bắt giữ kháng thể. - Sử dụng trên máy tự động có khả năng trả kết quả ngưng kết 2 mặt card Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	(3 lọ x10 mL) Hộp	108
14	3.6	Dung dịch 7% BSA bảo dưỡng hàng ngày	Dung dịch gồm huyết thanh bò, muối vô cơ, và các chất bảo quản sử dụng trong bảo dưỡng hàng ngày cho hệ thống định nhóm máu tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	(15 lọ x12 mL) / Hộp	600

15	3.7	Thẻ xét nghiệm định tính IgG hoặc bổ thể dạng kết hợp với hồng cầu	Card để thực hiện xét nghiệm định tính để phát hiện IgG hoặc bổ thể dạng kết hợp với hồng cầu. Thành phần: bao gồm có 6 cột, Cột 1 đến 6: Anti-Human Globulin, Anti-IgG, -C3d; polyspecific Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Card	100 card/ Hộp	1.000
16	3.8	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO và Rh (D) theo phương pháp huyết thanh mẫu	Card 6 giếng để thực hiện xét nghiệm định tính kháng nguyên A (ABO1), B (ABO2) và D (RH1) trên tế bào hồng cầu người. Card bao gồm 6 cột: Cột 1 và 4: Thuốc thử nhóm máu Anti-A (Anti-ABO1) Cột 2 và 5: Thuốc thử nhóm máu Anti-B (Anti-ABO2) Cột 3 và 6: Thuốc thử nhóm máu Anti-D (Anti-RH1): Kháng thể đơn dòng từ người Anti-D (IgM) - Sử dụng trên máy tự động có khả năng trả kết quả ngưng kết 2 mặt card. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Card	100 card/ Hộp	2.000
17	3.9	Thẻ xét nghiệm định tính nhóm máu hệ ABO, hệ Rh (D) và nghiệm pháp Coombs trực tiếp cho trẻ sơ sinh	Card 6 giếng, để thực hiện xét nghiệm định tính để nhận diện kháng nguyên A, B và D (RH1) trên tế bào hồng cầu người và để phát hiện kháng thể IgG dạng kết hợp với tế bào ở trẻ sơ sinh, Gồm: - Thuốc thử Anti-A (anti-ABO1) phát hiện các mẫu của các phân nhóm kháng nguyên A yếu và kháng nguyên A - Thuốc thử Anti-B (anti-ABO2) phát hiện các phân nhóm kháng nguyên B yếu. - Thuốc thử Anti-A, B (Anti-ABO3) phát hiện tất cả các tế bào nhóm A và B được phát hiện bởi các thuốc thử Anti-A và Anti-B - Thuốc thử Anti-D (anti-RH1) Hỗn hợp kháng thể đơn dòng (IgM) anti-D người (dòng D7B8), phát hiện được phần lớn các mẫu kháng nguyên D yếu hoặc kháng nguyên D thành phần (bao gồm kháng nguyên D yếu tuýp 1, 2, 3 và 4.0 và kháng nguyên D loại II, III, IV, V, VII, DBT và R0 Har) - Cột 5: Dung dịch tăng cường phản ứng được tối ưu hóa để dùng như đối chứng / kiểm chuẩn cho xét nghiệm định nhóm - Cột 6: Anti-IgG thỏ FD&C màu xanh da trời Số 1 và FD&C vàng Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Card	100 card/ Hộp	2.000
18	3.10	Hồng cầu mẫu (Xác định nhóm máu ABO bằng phương pháp gián tiếp)	- Hồng cầu mẫu phát hiện các kháng thể nhóm máu ABO ở trong huyết thanh/huyết tương người (định nhóm máu phương pháp hồng cầu mẫu). - Thành phần gồm 2 lọ, Lọ 1: chứa các tế bào hồng cầu A1; Lọ 2: chứa các tế bào hồng cầu B - Thành phần chính: dịch treo tế bào hồng cầu 3% của người có nhóm Rh âm tính (D-, C-, E-) và các thành phần phụ khác. - Sử dụng trên máy tự động có khả năng trả kết quả ngưng kết 2 mặt card. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	(2 lọ x 10mL)/Hộp	160
19	3.11	Panel Hồng cầu sàng lọc O1, O2 & O3 (Xét nghiệm sàng lọc kháng thể bất thường & Coombs gián tiếp)	- Hồng cầu sử dụng để phát hiện hoặc định danh kháng thể nhóm máu bất thường. - Có kháng nguyên: Mi (a) phổ biến ở người châu Á Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	(3 lọ x10mL)/Hộp	24
	LÔ 04 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG (TB1)					

20	4.1	Hóa chất pha loãng kiểm tra cho xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất được dùng cho chẩn đoán in vitro để theo dõi và điều chỉnh tỷ lệ pha loãng cho xét nghiệm IMT Na K Cl Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 2 mL/Hộp 6 lọ	2
21	4.2	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm điện giải đồ	Hóa chất pha loãng cho xét nghiệm điện giải đồ, dùng pha loãng mẫu điện giải. Đệm Phosphate; albumin huyết thanh bò (0,01%) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	Bình 1.5L/Hộp 2 bình	48
22	4.3	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm điện giải đồ	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Na K Cl Chất đệm Phosphate; natri clorua (10 mmol/L); kali clorua (0,4 mmol/L); natri bicarbonate (4,0 mmol/L); albumin huyết thanh bò (0,01%); Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	Bình 1.5L/Hộp 2 bình	180
23	4.4	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm điện giải đồ	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Na K Cl Đệm Phosphate; natri clorua (7,0 mmol/L); kali clorua (6,0 mmol/L); lithium clorua (3,0 mmol/L); albumin huyết thanh bò (0,01%); Kali clorua (120 mmol/L); albumin huyết thanh bò (0,01%); Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	Hộp 2 bộ: STD B: 250mL Salt Bridge: 125 mL	160
24	4.5	Điện cực cho xét nghiệm điện giải đồ	Điện cực cho xét nghiệm điện giải đồ, dùng để định lượng Na K Cl trong huyết thanh huyết tương và nước tiểu Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Gói	4 gói / Hộp	60
25	4.6	Cup đựng mẫu	- Cóng làm bằng nhựa - Thể tích 1ml Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Cái	1000 cái /hộp	26.000
26	4.7	Hóa Chất rửa Cuvette	Dùng để rửa Cuvet: Natri hiđroxit Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	Bình 1.5L/Hộp 2 bình	120
27	4.8	Hóa Chất rửa Cuvette và điều chỉnh Cuvette	Dùng để rửa và điều chỉnh Cuvet phản ứng Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	Bình 1.5L/Hộp 2 bình	300
28	4.9	Hóa chất rửa kim hút thuốc thử	- Dùng rửa ống hút thuốc thử, thiết bị trộn và Cuvet Natri hiđroxit Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 89.2 mL/Hộp 4 bộ	500
29	4.10	Hóa chất rửa kim hút thuốc thử, Cuvette	- Dùng rửa ống hút thuốc thử, thiết bị trộn và Cuvet Axit oxalic; axit glycolic; methanol Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 89.2 mL/Hộp 4 bộ	600
30	4.11	Hóa chất rửa kim hút thuốc thử, Cuvette	-Dùng rửa ống hút thuốc thử, thiết bị trộn và Cuvet Axit nitric Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 47 mL/Hộp 4 lọ	14

31	4.12	Dung dịch làm mát bóng đèn quang kế	Làm mát hệ thống quang kế của máy sinh hóa Propylene glycol Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1 x 250 mL/hộp	8
32	4.13	Cuvette pha loãng mẫu thử	Cuvette nhựa- để chứa mẫu đã pha loãng cho các xét nghiệm sinh hóa. Cuvette được rửa và tái sử dụng liên tục, và nên được thay thế sau mỗi 4 tháng. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5 khay x 23 cuvettes/hộp	2
33	4.14	Cuvette phản ứng	- Công dụng: chứa dung dịch phản ứng trong suốt quá trình phản ứng sinh hóa, bao gồm: trộn, đo quang, rửa. Chất liệu: Nhựa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5 khay x 17 cuvettes/hộp	6
34	4.15	Hóa chất rửa kim pha loãng	- Dùng vệ sinh que thăm pha loãng cho máy sinh hóa Natri hipoclorit Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: thuộc nhóm G7	Bình	Bình 1.5L/Hộp 2 bình	80
35	4.16	Dung dịch pha loãng mẫu	- Dùng để pha loãng mẫu cho máy xét nghiệm sinh hóa Natri clorua; chất bảo quản Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	Bình 1.5L/Hộp 2 bình	300
36	4.17	Chất chống vi khuẩn cho bể nước và ngăn bong bóng bám vào Cuvette	- Phòng chống vi khuẩn cho bể nước và ngăn chặn bong bóng bám vào Cuvet của máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 36 mL/Hộp 4 lọ	32
37	4.18	Hóa chất xét nghiệm Albumine	- Dùng định lượng Albumin trong huyết tương, huyết thanh người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1700 test/Lọ (Hộp 4 lọ)	8
38	4.19	Hóa chất xét nghiệm Alkaline Phosphatase	- Dùng định lượng Phosphatase trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1200 test/Lọ (Hộp 4 lọ)	2
39	4.20	Hóa chất xét nghiệm Alanine Aminotransferase (ALT)	- Dùng định lượng hoạt tính của men Alanine Aminotransferase trong huyết tương và huyết thanh người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 850 test/Hộp 3 bộ	288
40	4.21	Hóa chất xét nghiệm Ammonia	- Dùng định lượng amoniac trong huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	120 test/Lọ (Hộp 4 lọ)	32
41	4.22	Hóa chất xét nghiệm Amylase	- Định lượng hoạt động của Amylase trong huyết thanh, huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 350 test/Hộp 3 bộ	40
42	4.23	Hóa chất xét nghiệm Aspartate Aminotransferase	Định lượng hoạt tính của men Aspartate Aminotransferase trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 850 test/Hộp 3 bộ	288

43	4.24	Hóa chất xét nghiệm ß2-Microglobulin	- Định lượng ß2-Microglobulin trong huyết tương, huyết thanh người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 200 test/Hộp 2 bộ	4
44	4.25	Hóa chất xét nghiệm Calcium	- Định lượng canxi trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu của người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	2050/Lọ (Hộp 4 lọ)	100
45	4.26	Hóa chất xét nghiệm Cholesterol	- Định lượng Cholesterol trong huyết thanh. huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: thuộc nhóm G7	Lọ	2100/Lọ (Hộp 4 lọ)	64
46	4.27	Hóa chất xét nghiệm C-Reactive Protein	- Định lượng nồng độ Protein phản ứng C trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 500 test/Hộp 4 bộ 4 x 500 test/Hộp	50
47	4.28	Hóa chất xét nghiệm Creatinin	- Định lượn Creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 1472 test/Hộp 4 bộ	176
48	4.29	Hóa chất xét nghiệm Direct Bilirubin	- Định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 448 test/Hộp 4 bộ	40
49	4.30	Hóa chất xét nghiệm Bilirubin	- Định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 448 test/Hộp 4 bộ	40
50	4.31	Hóa chất xét nghiệm Direct HDL Cholesterol	- Định lượng Cholesterol HDL trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 448 test/Hộp 4 bộ	240
51	4.32	Hóa chất xét nghiệm Gamma-Glutamyl Transferase (GGT)	- Định lượng Gamma-Glutamyl Transferase trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 448 test/Hộp 4 bộ	120
52	4.33	Hóa chất xét nghiệm Glucose Hexokinase	- Định lượng Glucose trong huyết thanh người, dịch não tủy, huyết tương Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 1560 test/Hộp 4 bộ	140
53	4.34	Hóa chất xét nghiệm Inorganic Phosphorus	- Định lượng Phospho hữu cơ trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 1700 test/Hộp 3 bộ	4
54	4.35	Hóa chất xét nghiệm Iron	- Định lượng sắt trong huyết thanh, huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 448 test/Hộp 4 bộ	24
55	4.36	Hóa chất xét nghiệm Lactate	- Định lượng Lactate trong huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 300 test/Hộp 2 bộ	40
56	4.37	Hóa chất xét nghiệm Direct LDL Cholesterol	- Định lượng Cholesterol LDL trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 400 test/Hộp 4 bộ	24

57	4.38	Hóa chất xét nghiệm Lipase	- Định lượng Lipase trong huyết thanh, huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 320 test/Hộp 4 bộ	4
58	4.39	Hóa chất xét nghiệm Magnesium (Mg)	- Định lượng Magie trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 400 test/Hộp 3 bộ	4
59	4.40	Hóa chất xét nghiệm Microalbumin	- Định lượng Albumin trong nước tiểu của người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 210 test/Hộp 4 bộ	120
60	4.41	Hóa chất xét nghiệm Total Protein II	- Định lượng Protein toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 1850 test/Hộp 4 bộ	8
61	4.42	Hóa chất xét nghiệm Transferrin	- Định lượn Transferrin trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 220 test/Hộp 4 bộ	16
62	4.43	Hóa chất xét nghiệm Uric Acid	- Định lượng Acid Uric trong huyết thanh, huyết tương người và nước tiểu Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 1200 test/Hộp 4 bộ	56
63	4.44	Hóa chất xét nghiệm Triglycerides	- Định lượng Triglycerides trong huyết thanh và huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 500 test/Hộp 4 bộ	240
64	4.45	Hóa chất xét nghiệm Urea Nitrogen	- Định lượng Nitơ Urê trong huyết thanh và huyết tương người và nước tiểu Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 1560 test/Hộp 4 bộ	112
65	4.46	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá 1	- Dùng hiệu chuẩn các xét nghiệm CHE, GGT, LDLP và Lipase trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 2.5 ml/Hộp 6 lọ	10
66	4.47	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá 2	- Dùng hiệu chuẩn các xét nghiệm ALT, ALTPLc, AST, ASTPLc trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 1.5 ml/Hộp 6 lọ	10
67	4.48	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sinh hoá 3	- Dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm CK_L trên máy sinh hóa Bảo quản Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 2 ml/Hộp 6 lọ	10
68	4.49	Chất hiệu chuẩn Toxicology Calibrator	- Hiệu chuẩn xét nghiệm Acet, ETOH, Sal trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3 ml/Hộp 6 lọ	36
69	4.50	Chất hiệu chuẩn Alkaline Phosphatase_2 Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm ALP_2c trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 1 ml/Hộp 6 lọ	4
70	4.51	Chất hiệu chuẩn β2-Microglobulin Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm B2M trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 1 ml/Hộp 3 lọ	6

71	4.52	Chất hiệu chuẩn Revised C-Reactive Protein Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 5 level x 1 ml/Hộp 2 bộ	12
72	4.53	Chất hiệu chuẩn LDL Cholesterol Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm LDL trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 2 ml/Hộp 3 lọ	6
73	4.54	Chất hiệu chuẩn HDL Cholesterol Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm HDL trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 1 mL/Hộp 3 lọ	12
74	4.55	Chất hiệu chuẩn Liquid Specific Protein Calibrators	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm AAG, ASO_2, C3, C4, Hapt, IgA_2, IgG_2, IgM_2, PreAlb và Trf trên máy sinh hóa. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 1 x 6 x 1 ml	8
75	4.56	Chất hiệu chuẩn Microalbumin_2 Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm µALB_2 trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 1 x 5 x 2 ml	4
76	4.57	Chất hiệu chuẩn Chemistry Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Alb, Ca, Chol_2, Crea_2, DBil_2, ECre_2, GluH_3, GluO, Iron_2, Li, Mg, IP, TBil_2, TP, Trig, UA, and UN_c trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3 ml/Hộp 12 lọ	50
77	4.58	Chất hiệu chuẩn Special Chemistry Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Lac, TIBC, AMY_2, và PAMY_2 trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 5 ml/Hộp 10 lọ	12
78	4.59	Chất hiệu chuẩn Urine Total Protein Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm UCFP trên máy sinh hóa Xuất xứ: Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 5 x 4.0 ml/Hộp 2 bộ	4
79	4.60	Chất hiệu chuẩn CHEM III Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm Amm trên máy sinh hóa Xuất xứ: Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 3 x 2.5 ml/Hộp 2 bộ	16
80	4.61	Hóa chất xét nghiệm Ethyl Alcohol	Dùng để định lượng rượu Ethyl (Ethanol) trong nước tiểu, huyết tương và huyết thanh người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 300 test/Hộp 4 bộ	40
81	4.62	Hóa chất xét nghiệm Rheumatoid Factor	- Dùng để định lượng yếu tố khớp dạng thấp trong huyết thanh người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 180 test/Hộp 2 bộ	12
82	4.63	Hóa chất xét nghiệm Protein trong nước tiểu	Hoá chất định lượng xét nghiệm Protein trong nước tiểu Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 370 test/Hộp 4 lọ	2

83	4.64	Hóa chất xét nghiệm Apolipoprotein A-1	-Được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng apolipoprotein A-1 trong huyết thanh và huyết tương người (lithium heparin) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: một trong các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 150 Tests/Hộp 2 bộ	4
84	4.65	Hóa chất xét nghiệm Apolipoprotein B	- Được dùng cho chẩn đoán in vitro nhằm định lượng apolipoprotein B trong huyết thanh và huyết tương người (lithium heparin) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: một trong các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 150 Tests/Hộp 2 bộ	4
85	4.66	Chất hiệu chuẩn Apolipoprotein A-1 & B Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm APO A1 và APO B cho máy sinh hóa -Thành phần : Huyết thanh người đông khô Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5 x 1 ml	2
86	4.67	Chất hiệu chuẩn Bilirubin Calibrator	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm bilirubin toàn phần và trực tiếp trên máy sinh hóa Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3ml/Hộp 6 lọ	4
87	4.68	Hóa chất xét nghiệm Lipoprotein(a)	Hoá chất định lượng xét nghiệm Lipoprotein(a) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 200 Tests/Hộp 2 bộ	20
88	4.69	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm Lipoprotein (a)	Hoá chất dùng để tạo đường chuẩn cho các xét nghiệm Lipoprotein(a) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5 x 1 mL	4
	LÔ 05 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG (TB2)					
89	5.1	Hoá chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	1x20ml+1x20ml/Bộ	24
90	5.2	Hoá chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	1x40ml+1x40ml/Bộ	24
91	5.3	Hoá chất xét nghiệm đo hoạt độ ALT (GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ: 1x50ml+1x25ml/Hộp 4 bộ	200
92	5.4	Hoá chất xét nghiệm đo hoạt độ AST (GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ: 1x25ml+1x25ml/Hộp 4 bộ	200
93	5.5	Hoá chất xét nghiệm đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x40ml+1x40ml/Hộp 4 bộ	100

94	5.6	Hoá chất định lượng Acid Uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: thuộc các nước liên minh châu Âu (EU)	Bộ	Bộ: 1x30ml+1x12.5ml/Hộp 4 bộ	100
95	5.7	Hoá chất xét nghiệm đo hoạt độ Amylase	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α-amylase; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ: 1x40ml/Hộp 4 bộ	24
96	5.8	Hoá chất định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ: 1x51.3ml+1x17.1ml/Hộp 4 bộ	300
97	5.9	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	3ml	12
98	5.10	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lọ	1x5ml/lọ	24
99	5.11	Hoá chất định lượng Lactat (Acid Lactic)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng L-Lactate; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	1x10ml + 1 lọ bột đông khô	120
100	5.12	Hoá chất định lượng Albumin trong nước tiểu và dịch não tủy	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ: 1x32.6ml+1x4.4ml/hộp 4 bộ	200
101	5.13	Chất hiệu chuẩn albumin trong nước tiểu/dịch não tủy	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5x2ml/hộp	6
102	5.14	Hoá chất định lượng Protein	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và CSF; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	4x19ml+1x3ml/hộp	32
103	5.15	Hóa chất xét nghiệm định lượng beta-hydroxybutyrat	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng beta-hydroxybutyrat. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	1x60 mL+1x15mL	40
104	5.16	Hoá chất định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ: 1x30ml+1x30ml/hộp 4 bộ	120

105	5.17	Hoá chất định lượng Sắt	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	1x15ml+1x15ml/hộp 4 bộ	16
106	5.18	Hoá chất định lượng Transferin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng transferrin; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	1x7ml+1x8ml/hộp 4 bộ	24
107	5.19	Hoá chất định lượng Calci	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi ; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 32 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x 29ml/hộp 4 bộ	100
108	5.20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ASO	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng kháng thể ASO; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x51ml+1x7ml/hộp 4 bộ	24
109	5.21	Hoá chất định lượng RF (Reumatoid Factor)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ 1x24ml+1x8ml/hộp 4 bộ	32
110	5.22	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm RF	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm RF. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5x1ml/hộp	4
111	5.23	Hoá chất định lượng Ethanol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x20ml+1x7mL/hộp 2 bộ	60
112	5.24	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: đệm amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lọ	Lọ 5ml	8
113	5.25	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lọ	Lọ 5ml	24
114	5.26	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lọ	Lọ 5ml	24
115	5.27	Hoá chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x53ml+1x27ml/Hộp 4 bộ	100
116	5.28	Hoá chất định lượng Ure	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 9 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x53ml+1x53ml/hộp 4 bộ	100

117	5.29	Hoá chất định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x51ml+1x51ml/hộp 4 bộ	180
118	5.30	Hoá chất định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 22 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x45ml/hộp 4 bộ	80
119	5.31	Hoá chất định lượng Triglycerid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	Bộ 1x50ml+1x12.5ml/hộp 4 bộ	180
120	5.32	Hoá chất định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	1x48ml+1x48ml/hộp 4 bộ	24
121	5.33	Hoá chất định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 17 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	1x29ml/hộp 4 bộ	24
122	5.34	Hoá chất định lượng β-2 Microglobulin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng β-2 microglobulin; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	1x10ml+1x8ml/hộp 4 bộ	40
123	5.35	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 2	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm protein đặc biệt. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5x2ml/hộp	4
124	5.36	Hoá chất định lượng Phospho vô cơ	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng photpho vô cơ; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bộ	1x15ml+1x15ml/hộp 4 bộ	16
125	5.37	Hoá chất định lượng Vancomycin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng vancomycin; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	1x32ml+1x16ml/hộp 2 bộ	24
126	5.38	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Vancomycin	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Vancomycin. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1x5ml+5x2ml/hộp	6
127	5.39	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1	Chất kiểm chứng dạng lỏng được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người. Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 1x5ml/hộp 6 lọ	20

128	5.40	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2	Chất kiểm chứng dạng lỏng được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 1x5ml/hộp 6 lọ	20
129	5.41	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3	Chất kiểm chứng dạng lỏng được chuẩn bị từ huyết thanh người. Các mức nồng độ của các chất phân tích được điều chỉnh với hóa chất tinh khiết và các chế phẩm từ mô/dịch cơ thể người Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 1x5ml/hộp 6 lọ	20
130	5.42	Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức cao sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na+), kali (K+) và clorua (Cl-) trong huyết thanh, huyết tương; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bình	Bình 1x100ml/hộp 4 bình	16
131	5.43	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức thấp được sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na+), kali (K+) và clorua (Cl-) trong huyết thanh, huyết tương; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bình	Bình 1x100ml/hộp 4 bình	16
132	5.44	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	Hoá chất điện giải cho điện cực tham chiếu sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na+, K+ và Cl-; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bình	1x1000ml/hộp 4 bình	50
133	5.45	Chất chuẩn điện giải mức giữa	Chất hiệu chuẩn mức trung bình sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na+, K+ và Cl-; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bình	1x2000ml/hộp 4 bình	140
134	5.46	Dung dịch đệm ISE	Dung dịch đệm sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na+, K+ và Cl-; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bình	1x2000ml/hộp 4 bình	120
135	5.47	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5ml/lọ	60
136	5.48	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5ml/lọ	20
137	5.49	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5ml/lọ	20
138	5.50	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x2ml/hộp	8
139	5.51	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x2ml/lọ	12

140	5.52	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x2ml/lọ	12
141	5.53	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x2ml/lọ	12
142	5.54	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lọ	1x8ml/Hộp 6 lọ	40
143	5.55	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	Chất kiểm chứng dạng lỏng được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người dùng cho các xét nghiệm nước tiểu. Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ: 1x15mL/hộp 6 lọ	12
144	5.56	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lít	1x5l/can	300
145	5.57	Dung dịch rửa	Dung dịch rửa; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Bình	450ml/bình	12
146	5.58	Điện cực Chloride	Cần thay thế sau 40.000 xét nghiệm hoặc 6 tháng Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Cái	1cái	6
147	5.59	Điện cực Potassium	Cần thay thế sau 40.000 xét nghiệm hoặc 6 tháng Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Cái	1cái	6
148	5.60	Điện cực Sodium	Cần thay thế sau 40.000 xét nghiệm hoặc 6 tháng Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Cái	1cái	6
149	5.61	Điện cực tham chiếu	Cần thay thế sau 150.000 xét nghiệm hoặc 24 tháng Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chiếc	1 chiếc / hộp	6
150	5.62	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5x2ml	10
151	5.63	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 38 thông số sinh hóa	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 35 thông số sinh hóa; Thành phần: Huyết thanh người đông khô Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lọ	Lọ 5ml	40
152	5.64	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa; Thành phần: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lọ	Lọ 5ml	40

153	5.65	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 37 thông số sinh hóa; Thành phần: Bột đông khô được sản xuất từ huyết thanh người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lọ	Lọ 5ml	40
154	5.66	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDH	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDH; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	4x40ml+4x20ml	40
	LÔ 06 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG (TB3)					
155	6.1	Hóa chất xét nghiệm định lượng glucose	Dùng để định lượng nồng độ glucose trong huyết thanh và huyết tương người - Phương pháp đo: GOD-POD - Phạm vi đo: ≥ 0.25 - 60.0 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	12 x 20 ml (1140 test)	12
156	6.2	Hóa chất xét nghiệm định lượng cholesterol	Dùng để định lượng nồng độ cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người Phạm vi đo: ≥ 0.15 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Reagent 12 x 20 ml	6
157	6.3	Hóa chất xét nghiệm định lượng triglycerides	Dùng để định lượng nồng độ triglycerides trong huyết thanh và huyết tương người Phạm vi đo: ≥ 0.05 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Reagent: 12 x 20 ml	6
158	6.4	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol	Dùng để định lượng nồng độ HDL-cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người Phương pháp đo: Xét nghiệm so màu enzyme đồng nhất. Phạm vi đo: ≥ 0.05 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 18 ml Thuốc thử B: 8 x 6 ml	8
159	6.5	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Dùng để định lượng hoạt độ alanine aminotransferase (ALT) trong huyết thanh và huyết tương người Phương pháp đo: IFCC Phạm vi đo: ≥ 3 U/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 16 ml Thuốc thử B: 8 x 4 ml	8
160	6.6	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Dùng để định lượng hoạt độ aspartate aminotransferase (AST) trong huyết thanh và huyết tương người Phương pháp đo: IFCC Phạm vi đo: ≥ 3 U/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 16 ml Thuốc thử B: 8 x 4 ml	8

161	6.7	Hóa chất xét nghiệm định lượng gamma-GT	Dùng để định lượng hoạt độ Gamma-GT trong huyết thanh và huyết tương người Phương pháp: IFCC Phạm vi đo: ≥ 13 U/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Thuốc thử A: 15 x 4 ml Thuốc thử B: 1 x 16 ml	12
162	6.8	Hóa chất xét nghiệm định lượng creatinine	Dùng để định lượng bằng enzym nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người Phương pháp: Enzymatic Phạm vi đo: Huyết tương/huyết thanh: ≥ 8 µmol/l Nước tiểu: ≥ 0.01mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Thuốc thử A: 4 x 20 ml Thuốc thử B: 4 x 10 ml	10
163	6.9	Hóa chất xét nghiệm định lượng urea	Để sử dụng trong chẩn đoán in vitro trong việc xác định định lượng nồng độ urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người Phạm vi đo: Với mẫu Huyết thanh/huyết tương: ≥ 0.8 mmol/l Với mẫu nước tiểu: ≥ 3.0 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Thuốc thử A: 10 x 20 ml Thuốc thử B: 10 x 5 ml	6
164	6.10	Hóa chất xét nghiệm định lượng axit uric	Dùng để định lượng nồng độ axit uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người Phương pháo đo: AOX Phạm vi đo: Huyết thanh/ huyết tương: ≥ 8 µmol /l Nước tiểu: ≥ 0.01 mmol /l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Thuốc thử A: 8 x 16 ml Thuốc thử B: 8 x 4 ml	8
165	6.11	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c	Dùng để định lượng nồng độ tương đối của hemoglobin A1c (HbA1c) trong máu người đã được ly giải Phương pháp đo: xét nghiệm đo độ đục miễn dịch Phạm vi đo: HbA1c: ≥ 0.15 mmol/l Hb: ≥ 3.5 mmol/l Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	Thuốc thử A: 2 x 14 ml Thuốc thử B: 2 x 3.1 ml Thuốc thử C: 2 x 14 ml	10
166	6.12	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 34 thông số sinh hóa	Vật liệu kiểm soát nhiều xét nghiệm dùng để giám sát độ đúng và độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro trong xét nghiệm các chất phân tích hóa học lâm sàng trong mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	10 x 5mL	4

167	6.13	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 40 thông số sinh hóa	Vật liệu kiểm soát nhiều xét nghiệm dùng để giám sát độ đúng và độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định các chất phân tích hóa học lâm sàng trong mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	10 x 5mL	4
168	6.14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng lipid và apolipoprotein	Vật liệu kiểm soát chất lượng được sử dụng để giám sát độ đúng và độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định nồng độ lipid và apolipoprotein trong các mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	5 x 3 ml	4
169	6.15	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol và LDL-cholesterol	Vật liệu kiểm soát chất lượng được sử dụng để giám sát độ đúng và độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định nồng độ HDLCholesterol và LDL-Cholesterol trong các mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	5 x 3 ml	4
170	6.16	Vật liệu kiểm soát mức bình thường xét nghiệm định lượng HbA1c	Vật liệu dùng để kiểm soát độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định hemoglobin A1c (HbA1c) và hemoglobin (Hb) trong mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	5 x 1 ml	4
171	6.17	Vật liệu kiểm soát mức bất thường xét nghiệm định lượng HbA1c	Vật liệu để kiểm soát độ chụm của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định hemoglobin A1c (HbA1c) và hemoglobin (Hb) trong mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	5 x 1 ml	4
172	6.18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 15 thông số sinh hóa	Chất hiệu chuẩn nhiều xét nghiệm dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định các chất phân tích hóa học lâm sàng trong các mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	10 x 3 ml	6
173	6.19	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng 10 thông số sinh hóa	Chất hiệu chuẩn nhiều xét nghiệm dùng để hiệu chuẩn các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định các chất phân tích hóa học lâm sàng trong các mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	5 x 3 ml	6
174	6.20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1c	Chất hiệu chuẩn gốc của các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định hemoglobin A1c (HbA1c) và hemoglobin (Hb) trong mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	3 x 2 ml	4
175	6.21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol và LDL-cholesterol	Vật liệu để hiệu chuẩn cho các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định nồng độ HDLCholesterol và LDL- Cholesterol trong mẫu từ người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	5 x 1 ml	4
176	6.22	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Cuvette được sử dụng một lần cho xét nghiệm chẩn đoán in vitro Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	10800 wells (tests)/ Hộp	8

177	6.23	Cốc chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa để kiểm chuẩn và hiệu chuẩn máy	Chất liệu: Polystyrene PS Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Túi	1000 chiếc/túi	4
178	6.24	Cốc chứa mẫu dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa để hỗ trợ máy chuyển chế độ hằng ngày	Chất liệu: Polystyrene PS Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Túi	1000 chiếc/túi	4
179	6.25	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa để bảo trì máy hàng ngày, hàng tháng	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa để bảo trì máy hàng ngày, hàng tháng. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	6 x 100 ml	6
180	6.26	Dung dịch rửa kim	Dung dịch dùng để rửa kim Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	8 x 20 ml	4
181	6.27	IVD tiền xử lý chất lỏng cho xét nghiệm định lượng HbA1c	Được sử dụng để ly giải máu toàn phần cho các xét nghiệm chẩn đoán in vitro nhằm xác định hemoglobin A1c (HbA1c) trong mẫu máu người, cũng như là một chất hiệu chuẩn 0 và để pha loãng tự động HbA1c Calibrator. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	12x20mL	4
	LÔ 07 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG (TB1)					
182	7.1	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm huyết học	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lít	10Lít/hộp	10.000
183	7.2	Dung dịch rửa dùng cho máy phân tích huyết học	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. - Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lít	10Lít/hộp	320
184	7.3	Dung dịch ly giải dùng cho xét nghiệm huyết học	Chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và đo kích thước bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Lít	5Lít/hộp	260
185	7.4	Hóa chất dùng để chuẩn bị mẫu (ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu) cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1900mL+850mL/ Hộp	80
186	7.5	Chất kiểm chuẩn dùng trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học. Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	1x3.5mL Level I, 1x3.5mL Level II, 1x3.5mL Level III	72

187	7.6	Dung dịch nhuộm hồng cầu lưới dùng cho xét nghiệm huyết học	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động để làm sạch hồng cầu và nhuộm hồng cầu lưới. - Thành phần: + Reagent A- Retic Stain: New Methylene Blue trong dung dịch đệm. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1900mL+380mL/ Hộp	6
188	7.7	Chất kiểm chuẩn dùng cho XN hồng cầu lưới trên máy phân tích huyết học	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học. - Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, các thành phần giống hồng cầu lưới đã được ổn định. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	1x3.5mLLevel I; 1x3.5mLLevel II; 1x3.5mLLevel III	8
	LÔ 08 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG (TB2)					
189	8.1	Dung dịch rửa và tạo dòng trong xét nghiệm huyết học	- Hóa chất dạng lỏng, sử dụng để tạo dòng chảy phản ứng, sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học tự động - Bao phủ dòng chảy của mẫu, đảm bảo chỉ 1 tế bào tại 1 thời điểm có thể đi qua điểm phát hiện. Ngăn ngừa tiếp xúc giữa dòng chảy của mẫu, ngăn ngừa bị tắc dòng chảy. Cung cấp môi trường trong suốt về mặt quang học mà dòng chảy của mẫu có thể được tập trung rõ ràng. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thùng	20 lít/thùng (1.500 test)	106
190	8.2	Hóa chất bao phủ dòng chảy của mẫu trong xét nghiệm công thức máu	Hóa chất xét nghiệm công thức máu - Bao phủ dòng chảy của mẫu, đảm bảo chỉ 1 tế bào tại 1 thời điểm có thể đi qua điểm phát hiện. Ngăn ngừa tiếp xúc giữa dòng chảy của mẫu và thành flowcell, ngăn ngừa bị tắc và làm xỉn màu flowcell. Cung cấp môi trường trong suốt về mặt quang học mà dòng chảy của mẫu có thể được tập trung rõ ràng. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	4 x 2,725ml /thùng (4x1625 test)	32
191	8.3	Hóa chất định lượng 6 thông số bạch cầu	Hóa chất bách phân 6 thành phần bạch cầu. - Sử dụng để định lượng tối thiểu các thông số: Bạch cầu trung tính: %NEUT, #NEUT, Bạch cầu lympho: %LYMP, #LYMP, Bạch cầu mono: %MONO, #MONO, Bạch cầu ưa axit: %EOS, #EOS, Bạch cầu ưa bazo: %BASO, #BASO, Bạch cầu to không bắt màu: %LUC, #LUC Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thùng	9070ml/thùng (4150 test)	28
192	8.4	Hóa chất định lượng các thông số huyết học	- Sử dụng để định lượng tối thiểu các thông số: Bạch cầu WBC, Hồng cầu RBC, Huyết sắc tố HGB, Thể tích khối hồng cầu HCT, Thể tích trung bình hồng cầu MCV, Huyết sắc tố trung bình hồng cầu MCH, Nồng độ huyết sắc tố trung bình hồng cầu MCHC, MCHC đo bằng phương pháp trực tiếp không phá huỷ hồng cầu CHCM, MCH đo bằng phương pháp trực tiếp không phá huỷ hồng cầu CH, Sự phân bố thể tích hồng cầu RDW, Sự phân bố nồng độ hemoglobin trong hồng cầu HDW, Tiểu cầu PLT, Thể tích trung bình tiểu cầu MPV. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thùng	9875 ml/thùng (3850 test)	30

193	8.5	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy huyết học	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới trên máy huyết học. - Sử dụng để định lượng các thông số: Nồng độ hồng cầu lưới (#RETIC), % hồng cầu lưới (% RETIC), lượng hemoglobin trong tế bào hồng cầu lưới (CHr). Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1x820ml/hộp (600 test)	2
194	8.6	Dung dịch rửa máy xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu	Hóa chất rửa hệ thống Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2 x 1620ml/hộp (72 lần)	42
195	8.7	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi mức bình thường	Là các chất tham chiếu huyết học để theo dõi độ chụm và độ chính xác của các hệ thống Huyết học. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4ml x 4 lọ/ hộp (22 lần x 4)	6
196	8.8	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi ở mức 1 bệnh lý	Là các chất tham chiếu huyết học để theo dõi độ chụm và độ chính xác của các hệ thống Huyết học. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4ml x 4 lọ/ hộp (22 lần x 4)	6
197	8.9	Máu toàn phần kiểm chuẩn xét nghiệm tổng phân tích tế bào máu ngoại vi ở mức 2 bệnh lý	Là các chất tham chiếu huyết học để theo dõi độ chụm và độ chính xác của các hệ thống Huyết học. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4ml x 4 lọ/ hộp (22 lần x 4)	6
	LÔ 09 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH HUYẾT HỌC TỰ ĐỘNG (TB3)					
198	9.1	Hóa chất sử dụng để đo số lượng, kích thước hồng cầu và tiểu cầu	Dùng để đo lường số lượng và kích thước của hồng cầu và tiểu cầu bằng phương pháp tập trung dòng chảy thuỷ động học. Khi bổ sung thuốc thử ly giải được chỉ định để xác định nồng độ hemoglobin, thuốc thử cũng có thể được sử dụng để phân tích nồng độ hemoglobin. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày hoặc tốt hơn	Lít	Thùng 20 lít	12.000
199	9.2	Hóa chất sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu	Hóa chất trong suốt, không có azide và cyanide, độc tố thấp. Có thể đo các dẫn xuất hemoglobin như deoxyhemoglobin, oxyhemoglobin, carboxyhemoglobin và methemoglobin. Công dụng: sử dụng để đo nồng độ hemoglobin trong máu Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày hoặc tốt hơn	Hộp	Hộp: 500 ml x 3	120
200	9.3	Hóa chất sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes trên máy phân tích huyết học tự động	Công dụng: Dung dịch ly giải cho máy xét nghiệm huyết học tự động. Sử dụng kết hợp với thuốc nhuộm để nhuộm tế bào có nhân trong mẫu giúp phân loại bạch cầu Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày hoặc tốt hơn	Lít	5 lít /hộp	180
201	9.4	Hóa chất sử dụng để đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân trên máy phân tích huyết học tự động	Công dụng ly giải các tế bào hồng cầu, đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu ái kiềm, số lượng hồng cầu nhân, và tỷ lệ hồng cầu nhân được phân tích. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày hoặc tốt hơn	Lít	5 lít/hộp	450

202	9.5	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào bạch cầu nhằm phân biệt 4 loại bạch cầu: neutrophils, lymphocytes, eosinophils, monocytes trên máy phân tích huyết học tự động	Công dụng: được sử dụng để đánh dấu các bạch cầu trong các mẫu máu đã được pha loãng và ly giải nhằm phân loại các thành phần bạch cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày hoặc tốt hơn Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 42ml/Hộp 2 lọ	120
203	9.6	Hóa chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân	Hoá chất sử dụng để nhuộm nhân tế bào nhằm đếm số lượng bạch cầu, số lượng bạch cầu basophils, số lượng hồng cầu nhân Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 82ml/Hộp 2 lọ	88
204	9.7	Hóa chất sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu trên máy phân tích huyết học tự động	Hóa chất sử dụng trong phân tích hồng cầu lưới và trong phân tích tiểu cầu trên máy phân tích huyết học tự động	Lít	1Lít /thùng	26
205	9.8	Hóa chất nhuộm tế bào hồng cầu lưới trên máy phân tích huyết học tự động	Sử dụng để đánh dấu hồng cầu lưới trong các mẫu máu đã được pha loãng nhằm xác định số lượng hồng cầu lưới, tỷ lệ phần trăm hồng cầu lưới và số lượng tiểu cầu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày hoặc tốt hơn Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 12ml/Hộp 2 lọ	28
206	9.9	Dung dịch kiềm mạnh dùng để rửa hệ thống sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động	Chất tẩy rửa có tính kiềm mạnh để loại bỏ các thuốc thử ly giải, dư lượng tế bào và các protein trong máu còn lại trong hệ thống thủy lực của máy xét ngiệm huyết học tự động, máy chuẩn bị lam huyết học tự động. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 4ml/hộp 20 lọ	2.000
207	9.10	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động (Check L1)	- Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 1 với bảng giá trị ≥ 46 thông số báo cáo - Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC) , bách phân các thành phần bạch cầu, và hồng cầu lưới (RET) và hồng cầu nhân (NRBC). Có các thông số mở rộng như Micro R, Macro R, Ret, Ret-He, IG, IPF. - Gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3.0ml	200
208	9.11	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động (Check L2)	- Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 2 với bảng giá trị ≥ 46 thông số báo cáo - Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC) , bách phân các thành phần bạch cầu, và hồng cầu lưới (RET) và hồng cầu nhân (NRBC). Có các thông số mở rộng như Micro R, Macro R, Ret, Ret-He, IG, IPF. - Gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3.0ml	200

209	9.12	Chất chuẩn sử dụng trên máy phân tích huyết học tự động (Check L3)	- Chất chuẩn máy xét nghiệm huyết học mức 3 với bảng giá trị ≥ 46 thông số báo cáo - Công dụng: sử dụng như vật liệu kiểm soát cho xét nghiệm công thức máu toàn phần (CBC) , bách phân các thành phần bạch cầu, và hồng cầu lưới (RET) và hồng cầu nhân (NRBC). Có các thông số mở rộng như Micro R, Macro R, Ret, Ret-He, IG, IPF. - Gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3.0ml	200
210	9.13	Hóa chất sử dụng để đếm số lượng các loại bạch cầu	Dung dịch ly giải loại II dùng để đếm các bạch cầu trung tính, lympho, mono và ưa axit. Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày hoặc tốt hơn Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lít	Thùng/5 lít	450
211	9.14	Dung dịch nhuộm để đo tiểu cầu huỳnh quang	Công dụng: đánh dấu (nhuộm) tế bào tiểu cầu trong các mẫu pha loãng để xác định số lượng tiểu cầu trong máu bằng máy xét nghiệm huyết học tự động Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày hoặc tốt hơn Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 12ml/Hộp 2 lọ	72
212	9.15	Chất hiệu chuẩn huyết học	Chất hiệu chuẩn và xác nhận hiệu chuẩn của máy huyết học cho các thông số WBC, RBC, HGB, HCT, PLT, RET Bao gồm tế bào RBC và WBC ở người, PLT, NRBC được giữ ổn định trong môi trường có chất bảo quản Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3.0ml	4
	LÔ 10 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG (TB1)					
213	10.1	Chất pha loãng mẫu trong các xét nghiệm miễn dịch, sử dụng pha loãng mẫu khi nồng độ chất phân tích vượt quá phạm vi đo của phương pháp, tiền pha loãng mẫu cho một số xét nghiệm miễn dịch.	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	36 mL/hộp	8
214	10.2	Dung dịch pha loãng mẫu trong xét nghiệm miễn dịch	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	36 mL/hộp	10
215	10.3	Dung dịch hệ thống để tạo tín hiệu điện hóa trong máy phân tích xét nghiệm miễn dịch được dùng để: bảo vệ các điện cực, vận chuyển hỗn hợp chất phản ứng, rửa các hạt vi mô phủ streptavidin và tạo tín hiệu.	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch cobas được sử dụng kết hợp với thuốc thử xét nghiệm có thể dùng với tất cả các lô thuốc thử.	Hộp	2 x 2 L/hộp	160
216	10.4	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch	Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu.	Hộp	2 x 2 L/hộp	56
217	10.5	Dung dịch hệ thống rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch	Là dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch	Hộp	2 x 2 L/hộp	180

218	10.6	Cúp và típ dùng hút mẫu, QC, và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch tự động	Đầu côn hút mẫu hoặc cốc chứa hỗn hợp phản ứng cho mô đun	Hộp	Hộp: 36 x (105 tip + 105 cup) + 3 hộp giấy thải	20
219	10.7	Dung dịch vệ sinh điện cực chọn lọc ion, cốc pha loãng và ống	Dùng để vệ sinh máy phân tích miễn dịch Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5 x 100 mL/hộp	8
220	10.8	Tế bào đo mẫu	Bộ phận đo mẫu theo công nghệ điện hóa phát quang (Measuring cell), dùng cho máy phân tích miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Cái	1 PC	2
221	10.9	Cốc mẫu	Vật tư tiêu hao IVD được sử dụng cho các máy phân tích sinh hóa và miễn dịch	Thùng	5000 PCs/thùng	10
222	10.10	Hóa chất xét nghiệm PCT (procalcitonin)	Dùng để định lượng PCT (procalcitonin) với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	300 Test/hộp	15.000
223	10.11	Hóa chất xét nghiệm IL-6 (Interleukin-6)	Dùng để định lượng IL-6 (Interleukin-6) với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 Test/hộp	1.000
224	10.12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm IL-6 (Interleukin-6)	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm IL-6 (Interleukin-6) Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ:các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 2.0 mL/hộp	6
225	10.13	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm C-peptide	Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch quy định trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6 x 2.0 mL/hộp	8
226	10.14	Hóa chất xét nghiệm NT-proBNP	Dùng để định lượng NT-proBNP với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	10.000
227	10.15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NT-proBNP	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NT-proBNP Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
228	10.16	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm NT-proBNP	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 2 mL/hộp	14
229	10.17	Hóa chất xét nghiệm Troponin T	Dùng để định lượng Troponin T với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	300 Test/hộp	6.000
230	10.18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	10
231	10.19	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Troponin T	Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 2 mL/hộp	12

232	10.20	Hóa chất xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	Dùng để định lượng AFP (alpha1-fetoprotein) với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	300 Test/hộp	12.000
233	10.21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng AFP trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	10
234	10.22	Hóa chất xét nghiệm PIVKA-II	Dùng để định lượng PIVKA-II với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	300 Test/hộp	1.200
235	10.23	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PIVKA-II	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng PIVKA-II trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	2
236	10.24	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm PIVKA-II	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch PIVKA-II trên máy phân tích miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	2
237	10.25	Hóa chất xét nghiệm CA 15-3	Dùng để định lượng CA 15-3 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	4.200
238	10.26	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3 II trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
239	10.27	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9	Dùng để định lượng CA 19-9 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	4.800
240	10.28	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
241	10.29	Hóa chất xét nghiệm CA 72-4	Dùng để định lượng CA 72-4 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	4.800
242	10.30	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 72-4	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4 trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
243	10.31	Hóa chất xét nghiệm CA 125	Dùng để định lượng CA 125 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	3.600

244	10.32	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 II trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
245	10.33	Hóa chất xét nghiệm PSA	Dùng để định lượng PSA với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	6.000
246	10.34	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng total PSA trên các máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	10
247	10.35	Hóa chất xét nghiệm PSA tự do	Dùng để định lượng PSA với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	3.000
248	10.36	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do	Hoá chất được dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng free PSA trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	6
249	10.37	Hóa chất xét nghiệm CEA	Dùng để định lượng CEA với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	6.600
250	10.38	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CEA trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
251	10.39	Hóa chất xét nghiệm CYFRA 21-1	Dùng để định lượng CYFRA 21-1 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	5.400
252	10.40	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1 trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ:các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	6
253	10.41	Hóa chất xét nghiệm NSE	Dùng để định lượng NSE với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	1.800
254	10.42	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NSE	Hoá chất được dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NSE trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	4
255	10.43	Dung dịch pha loãng xét nghiệm NSE	Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với xét nghiệm NSE Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 3.0 mL/hộp	2

256	10.44	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm	Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 3.0 mL/hộp	20
257	10.45	Hóa chất xét nghiệm ProGRP	Dùng để định lượng ProGRP với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 Test/hộp	1.000
258	10.46	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm ProGRP	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng ProGRP trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
259	10.47	Hóa chất xét nghiệm SCC	Dùng để định lượng SCC với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 Test/hộp	1.400
260	10.48	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm SCC	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng SCC trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	4
261	10.49	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm ProGRP, SCC, Cyfra 21-1, NSE	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch SCC, ProGRP, CYFRA 21-1 và NSE trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 3.0 mL/hộp	10
262	10.50	Hóa chất xét nghiệm TSH	Dùng để định lượng TSH với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	9.000
263	10.51	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch. Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.3 ml/hộp	8
264	10.52	Hóa chất xét nghiệm T3	Dùng để định lượng T3 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	1.200
265	10.53	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T3	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng T3 trên máy xét nghiệm miễn dịch. Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	2
266	10.54	Hóa chất xét nghiệm FT3	Dùng để định lượng FT3 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	4.800
267	10.55	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT3	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT3 trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8

268	10.56	Hóa chất xét nghiệm T4	Dùng để định lượng T4 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	1.200
269	10.57	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm T4	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng T4 trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	2
270	10.58	Hóa chất xét nghiệm FT4	Dùng để định lượng FT4 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	9.000
271	10.59	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
272	10.60	Hóa chất xét nghiệm Tg (Thyroglobulin)	Dùng để định lượng Tg (Thyroglobulin) với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE	Test	300 Test/hộp	1.200
273	10.61	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Tg (Thyroglobulin)	Chất hiệu chuẩn được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Tg II trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	2
274	10.62	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng Tg (Thyroglobulin)	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-TSHR, Anti-TPO và Anti-Tg trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 2 ml/hộp	2
275	10.63	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm miễn dịch	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2 x 2 x 3.0 ml/hộp	8
276	10.64	Hóa chất xét nghiệm kháng thể kháng TPO	Dùng để định lượng kháng thể kháng TPO với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	300 Test/hộp	1.200
277	10.65	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm kháng thể kháng TPO	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm kháng thể kháng TPO Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.5mL/hộp	2
278	10.66	Hóa chất xét nghiệm TSHR	Dùng để định lượng TSHR với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	300 Test/hộp	1.200
279	10.67	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSHR	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TSHR trên máy xét nghiệm miễn dịch. Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 2.0 mL/hộp	2

280	10.68	Hóa chất xét nghiệm PAPP-A	Dùng để định lượng PAPP-A với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 Test/hộp	600
281	10.69	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PAPP-A	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A trên máy xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	4
282	10.70	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Maternal Care Gen 2	Hoá chất kiểm soát xét nghiệm Maternal Care Gen 2 Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6 x 3.0 mL/hộp	4
283	10.71	Hóa chất xét nghiệm Free HCGbeta	Dùng để định lượng Free HCGbeta với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 Test/hộp	600
284	10.72	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Free HCGbeta	Hoá chất dùng hiệu chuẩn xét nghiệm Free HCGbeta Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	4
285	10.73	Hóa chất xét nghiệm HCG+beta	Dùng để định lượng HCG+beta với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	300 Test/hộp	9.000
286	10.74	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HCG+beta	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm HCG+beta Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 x 1.0 mL/hộp	8
287	10.75	Hóa chất xét nghiệm định lượng PlGF	Dùng để định lượng PlGF với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	100 test	10
288	10.76	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PlGF	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PlGF Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4x1ml	4
289	10.77	Hóa chất xét nghiệm định lượng sFlt-1	Dùng để định lượng sFlt-1 với phương pháp xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 test	1.000
290	10.78	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sFlt-1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm sFlt-1 Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4x1ml	4
	LÔ 11 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG (TB2)					
291	11.1	Hóa chất định lượng AFP	Dùng để định lượng định lượng AFP Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/Hộp	6.000

292	11.2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng AFP Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	7x2.5mL/hộp	10
293	11.3	Hóa chất định lượng ferritin	Dùng để định lượng ferritin Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	12.000
294	11.4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x4mL/hộp	10
295	11.5	Hóa chất định lượng CEA	Dùng để định lượng CEA Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	1.000
296	11.6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng CEA Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x2.5mL	4
297	11.7	Hóa chất định lượng Unconjugated Estriol	Dùng để định lượng Unconjugated Estriol Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	1.000
298	11.8	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Unconjugated Estriol	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Unconjugated Estriol Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1x4mL+6x2.5mL/hộp	6
299	11.9	Hóa chất định lượng Cortisol	Dùng để định lượng Cortisol Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	9.000
300	11.10	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Cortisol	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x4mL/hộp	8
301	11.11	Hóa chất định lượng Digoxin	Dùng để định lượng Digoxin Tiêu chuẩn: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	2.000
302	11.12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Digoxin	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Digpoxin Tiêu chuẩn: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x4mL/hộp	8
303	11.13	Hóa chất định lượng Free T3	Dùng để định lượng Free T3 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	10.000
304	11.14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Free T3	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Free T3 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x2.5mL/hộp	8
305	11.15	Hóa chất định lượng Free T4	Dùng để định lượng Free T4 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	44.000
306	11.16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Free T4	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Free T4 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x2.5mL/hộp	14

307	11.17	Hóa chất định lượng total PSA	Dùng để định lượng total PSA Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	1.000
308	11.18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Hybritech PSA	Chất chuẩn xét nghiệm Hybritech PSA Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x2.5mL/hộp	4
309	11.19	Hóa chất định lượng Free PSA	Dùng để định lượng Free PSA Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	1.000
310	11.20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Hybritech Free PSA	Chất chuẩn xét nghiệm Hybritech Free PSA Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1x5mL+5x2.5mL	4
311	11.21	Hóa chất định lượng CA 125	Dùng để định lượng CA 125 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	1.000
312	11.22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Ca 125 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x2.5mL/hộp	4
313	11.23	Hóa chất định lượng CA 19-9	Dùng để định lượng CA 19-9 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	1.000
314	11.24	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Ca 19-9 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x2.5mL/hộp	4
315	11.25	Hóa chất định lượng CA 15-3	Dùng để định lượng CA 15-3 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	1.000
316	11.26	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng Ca 15-3 Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x1.5mL/hộp	4
317	11.27	Hóa chất định lượng PAPP-A	Dùng để định lượng PAPP-A Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	2.000
318	11.28	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PAPP-A	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x1mL/hộp	8
319	11.29	Hóa chất định lượng total βhCG	Dùng để định lượng total βhCG Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	3.800
320	11.30	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Total βhCG	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng total βhCG Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x4mL/hộp	8
321	11.31	Hóa chất định lượng hsTnI	Dùng để định lượng hsTnI Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	44.000

322	11.32	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm hsTnI	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng hsTnI Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	3x1.5mL+4x1mL/hộp	26
323	11.33	Hóa chất định lượng TSH	Dùng để định lượng TSH (3rd IS) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x100test/hộp	44.000
324	11.34	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng TSH (3rd IS) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x2.5mL/hộp	14
325	11.35	Hóa chất định lượng PCT	Dùng để định lượng PCT Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	30.000
326	11.36	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PCT	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng PCT Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	7x2ml/hộp	16
327	11.37	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3 Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x3ml/hộp	24
328	11.38	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u) Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5mL/lọ	24
329	11.39	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u) Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5mL/lọ	24
330	11.40	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u)	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tố khối u) Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5mL/lọ	24
331	11.41	Hóa chất định lượng IL-6 (Interleukin 6)	Dùng để định lượng IL-6 (Interleukin 6) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	1.000
332	11.42	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm IL-6	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng IL-6 (Interleukin 6) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1x4mL+5x2.5mL/hộp	4
333	11.43	Chất kiểm tra xét nghiệm IL-6	Chất kiểm tra xét nghiệm IL-6 Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2x2.5mL+2x2.5mL+2x2.5mL/hộp	4
334	11.44	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm iPTH	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng iPTH Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2x4mL+6x1mL/hộp	10
335	11.45	Hóa chất định lượng iPTH	Dùng để định lượng iPTH Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	2x50 test/hộp	3.200

336	11.46	Cơ chất phát quang	Thành phần: Dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt Tiêu chuẩn chấ lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4x130mL/hộp	200
337	11.47	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa máy	Lít	10L/thùng	10.000
338	11.48	Giếng phản ứng	Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 Ml Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Cái	1000cái/túi	400.000
339	11.49	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần: KOH 1-5% Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	1lít/bình	4
340	11.50	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Thành phần chính: Acid hữu cơ. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	3,8 lít / bình	4
341	11.51	Cốc đựng mẫu 0,5 mL dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch; Chất liệu: Polystyrene; đáy tròn; dung tích: 0,5 mL Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Túi	1000pcs	16
342	11.52	Cốc đựng mẫu dùng cho máy phân tích miễn dịch	Cốc đựng mẫu dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch; Chất liệu: Polystyrene Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Túi	1000pcs	16
343	11.53	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch	Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1 x 5 ml	14
344	11.54	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch	Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1 x 5 ml	14
345	11.55	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng PAPP-A	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng PAPP-A trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: PAPP-A tự nhiên ở người có nồng độ xấp xỉ 300, 1000, 3000 ng/mL, chất nền đệm BSA, natri azid, ProClin Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6 lọ x 2,5 mL	8
346	11.56	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch	Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1 x 5 ml	14
	LÔ 12 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM PHÂN TÍCH MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG (TB3)					

347	12.1	Hóa chất định lượng alpha-fetoprotein (AFP)	Dùng để định lượng alpha- fetoprotein (AFP) và được đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Độ nhạy: ≤1,3 ng/mL - LoD: ≤1,8 ng/mL. LoQ: ≤4,5 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600
348	12.2	Hóa chất định lượng CEA Reagent	Dùng để định lượng CEA Reagent. Đo theo nguyên tắc hóa phát quang trực tiếp - Độ nhạy: ≤ 0,26 ng/mL - LoD: ≤0,88 ng/mL. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600
349	12.3	Chất hiệu chuẩn Calibrator AFP và CEA	- Dung dịch hiệu chuẩn Calibrator AFP và CEA, gồm 2 mức nồng độ thấp và cao Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 2 ml (2 bộ)	4
350	12.4	Hóa chất định lượng ThCG	Dùng để định lượng ThCG. Sử dụng công nghệ hóa phát quang trực tiếp dùng cho chẩn đoán in vitro, định lượng nội tiết tố hCG trong huyết thanh. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 90 test	540
351	12.5	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Dig, FSH, LH, PRL và ThCG	Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn các xét nghiệm FSH, LH, ThCG. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 5 ml	4
352	12.6	Hóa chất định lượng CA 15-3	Dùng để định lượng CA 15-3 - LoD: ≤ 1,9 U/mL. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600
353	12.7	Chất hiệu chuẩn Calibrator CA 15-3	Dung dịch hiệu chuẩn Calibrator CA 15-3 - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm CA 15-3. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 2 ml	4
354	12.8	Hóa chất định lượng CA 19-9	Dùng để định lượng theo chuỗi CA 19-9 trong huyết thanh người Phạm vi phân tích: 1,20–700,00 U/mL Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 50 test	600
355	12.9	Hóa chất định lượng CA 125	Dùng để định lượng CA 125 Độ nhạy: ≤1,2 U/mL LoD: ≤4,0 U/mL. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600
356	12.10	Chất hiệu chuẩn Calibrator CA 125	Dung dịch hiệu chuẩn Calibrator CA 125, gồm 2 mức nồng độ. Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn xét nghiệm CA 125. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 2 ml	4

357	12.11	Hóa chất định lượng Cortisol	Dùng để định lượng Cortisol Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp/ 5 x 50 test	600
358	12.12	Chất hiệu chuẩn (Calibrator) cortisol, progesterone và testosterone	Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator, gồm 2 mức nồng độ Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 2 ml	4
359	12.13	Hóa chất định lượng Ferritin	Dùng để định lượng Ferritin LoQ :≤ 5 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 90 test	540
360	12.14	Chất hiệu chuẩn Calibrator Vitamin B12 và Ferritin	- Dung dịch hiệu chuẩn Calibrator Vitamin B12 và Ferritin, gồm 2 mức nồng độ Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 5 ml	4
361	12.15	Hóa chất định lượng Triiodothyronine tự do (FT3)	Dùng để định lượng Triiodothyronine tự do (FT3) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 60 test	360
362	12.16	Hóa chất định lượng Thyroxine tự do (FT4)	Dùng để định lượng Thyroxine tự do (FT4) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp: 5 x 50 test	600
363	12.17	Hóa chất định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH)	Dùng để định lượng hormone kích thích tuyến giáp (TSH) bằng kỹ thuật miễn dịch hóa phát quang Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 130 test	780
364	12.18	Chất hiệu chuẩn (Calibrator) FT3, T3, T4, FT4.	Hóa chất hiệu chuẩn Calibrator, gồm 2 mức nồng độ - Dùng cho chẩn đoán in vitro trong hiệu chuẩn các xét nghiệm sau đây: FT3, T3, T4, TUp và FT4. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 5 ml (2 bộ)	4
365	12.19	Hóa chất định lượng PCT	Dùng để định lượng PCT Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600
366	12.20	Chất kiểm chuẩn PCT QC	Hóa chất kiểm chuẩn PCT QC, gồm 2 mức nồng độ - Sử dụng cho chẩn đoán in vitro trong khi theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm PCT. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 2 ml	4
367	12.21	Hóa chất định lượng PSA	Dùng để định lượng PSA - Khoảng tuyến tính: từ ≤ 0,01 đến ≥ 100,00 ng/mL (µg/L) - Độ nhạy: ≤ 0,01 ng/mL (µg/L) - LoQ: ≤ 0,02 ng/mL. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600

368	12.22	Chất hiệu chuẩn Calibrator PSA	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm PSA, gồm 2 mức nồng độ, với nồng độ thấp hoặc cao; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2 x 2 x 2 ml	2
369	12.23	Hóa chất định lượng Troponin I	Dùng để định lượng Troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	1.000
370	12.24	Hóa chất định lượng NT-Pro BNP	Dùng để định lượng NT-Pro BNP- Khoảng tuyến tính: ≤35 đến ≥35,000 pg/mL - LoD: ≤ 20 pg/mL. LoQ: ≤ 18 pg/mL. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	400
371	12.25	Dung dịch pha loãng dùng cho các xét nghiệm Troponin, Tg	Dung dịch dùng để pha loãng mẫu các xét nghiệm miễn dịch Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 5 mL	6
372	12.26	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số dấu ấn tim mạch	- Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 1 Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3ml	20
373	12.27	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số dấu ấn tim mạch	- Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 2 - Có giá trị tham chiếu cho BNP, NT-proBNP và hs-CRP Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: một trong các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3ml	20
374	12.28	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số dấu ấn tim mạch	- Mẫu nội kiểm cho xét nghiệm dấu ấn tim mạch, mức nồng độ 3 - Có giá trị tham chiếu cho BNP, NT-proBNP và hs-CRP Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	Lọ 3ml	20
375	12.29	Hóa chất định lượng PSA tự do	Dùng để định lượng PSA tự do (kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt) trong huyết thanh Kỹ thuật miễn dịch hóa phát quang Phạm vi phân tích: ≥ 0,01–25,00 ng/mL (µg/L) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 50 test	400
376	12.30	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 2 x 2 ml	4
377	12.31	Dung dịch pha loãng cho xét nghiệm PSA tự do	Dung dịch pha loãng mẫu các xét nghiệm miễn dịch cho xét nghiệm PSA tự do Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 10 ml	4
378	12.32	Hóa chất định lượng aTPO	Dùng để định lượng aTPO Phạm vi phân tích: ≥ 6,5–400,0 IU/mL Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600

379	12.33	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm kháng thể kháng Peroxidase tuyến giáp (aTPO QC)	- Kiểm soát chất lượng xét nghiệm aTPO Sử dụng trong việc theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm Anti-Thyroid Peroxidase Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 3 x 2 ml	4
380	12.34	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm aTPO	Dung dịch dùng để pha loãng mẫu các xét nghiệm miễn dịch aTPO Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 5ml	4
381	12.35	Hóa chất định lượng Anti-Thyroglobulin	Dùng để định lượng tự kháng thể kháng thyroglobulin trong huyết thanh, huyết tương người (đikali EDTA, lithium heparin, natri heparin) - Phạm vi phân tích: 1,3–1000 IU/mL Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600
382	12.36	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm Anti-Thyroglobulin II Quality Control	Dùng để theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm Anti-Thyroglobin Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 3 x 2 x 1 ml	4
383	12.37	Hóa chất định lượng Thyroglobulin (Tg)	Dùng để định lượng Thyroglobulin (Tg) Phạm vi phân tích: 0,050-150 ng/mL (0,076 - 227 pmol/L) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600
384	12.38	Hóa chất định lượng Testosterone	Dùng để định lượng testosterone toàn phần (gắn kết và không gắn kết) trong huyết thanh và huyết tương EDTA, huyết tương lithium heparin, huyết tương natri heparin. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	600
385	12.39	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm miễn dịch Testosterone	Dung dịch dùng để pha loãng mẫu các xét nghiệm miễn dịch Testosterone Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 5 ml	4
386	12.40	Hóa chất định lượng anti-CCP IgG (aCCP)	Dùng để định lượng anti-CCP IgG (aCCP) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	400
387	12.41	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm IgG kháng CCP (aCCP QC)	- Chất kiểm chuẩn xét nghiệm IgG kháng CCP (aCCP QC) để theo dõi độ chụm và độ chính xác của xét nghiệm aCCP Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 1 x 2 x 7 ml	4
388	12.42	Hóa chất định lượng IgE	Dùng để định lượng IgE toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người - Phạm vi phân tích: ≥ 1,5–3000 IU/mL Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 50 test	400
389	12.43	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm IgE	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm IgE - Chất hiệu chuẩn nồng độ thấp, chất hiệu chuẩn nồng độ cao Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 2 x 2 ml	4

390	12.44	Hóa chất định lượng Prolactin	Dùng để định lượng prolactin trong huyết thanh, huyết tương EDTA, huyết tương lithium heparin Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 50 test	600
391	12.45	Dung dịch pha loãng dùng cho xét nghiệm Prolactin	Dung dịch dùng để pha loãng mẫu xét nghiệm Prolactin Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 25 ml	4
392	12.46	Hóa chất định lượng insulin	Dùng để định lượng insulin trong huyết thanh Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	400
393	12.47	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng insulin	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng insulin Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 2 x 1 ml	4
394	12.48	Hóa chất định lượng Peptide C	Dùng để định lượng peptide C trong huyết thanh, nước tiểu Phạm vi phân tích: + Serum: ≥ 0.05–30.00 ng/mL; + Urine: ≥ 0.50–300.00 ng/mL Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	200
395	12.49	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Peptide C	Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Peptide C Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 2 x 1 ml	2
396	12.50	Cóng phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Cóng phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động Cóng đo phản ứng bằng nhựa dùng 1 lần	Cái	Hộp: 3000 cái	24.000
397	12.51	Đầu côn sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Đầu côn sử dụng trên máy miễn dịch tự động Đầu côn hút mẫu xét nghiệm bằng nhựa dùng một lần	Cái	Hộp: 6480 cái	25.920
398	12.52	Dung dịch rửa hệ thống máy miễn dịch tự động	Dung dịch rửa dùng trong phản ứng miễn dịch. Thành phần tối thiểu gồm dung dịch muối đệm phosphat, natri azit	Hộp	Hộp: 1 x 3 lít	36
399	12.53	Dung dịch tẩy rửa hệ thống máy miễn dịch tự động	Dung dịch vệ sinh hệ thống máy miễn dịch tự động Sử dụng để vệ sinh hệ thống máy	Hộp	Hộp: 2 x 1,5 lít	100
400	12.54	Dung dịch phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Dung dịch phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động Được dùng trong chẩn đoán in vitro	Hộp	Hộp: 2 x 1,5 lít	12
401	12.55	Dung dịch phản ứng sodium hydroxide sử dụng trên máy miễn dịch tự động	Dung dịch phản ứng sử dụng trên máy miễn dịch tự động - Được dùng trong chẩn đoán in vitro	Hộp	Hộp: 2 x 1,5 lít	12
402	12.56	Dung dịch sodium hydroxide rửa kim máy miễn dịch	Dung dịch phụ rửa kim máy miễn dịch Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2x25 ml	10
403	12.57	Dung dịch đệm phosphat rửa kim máy miễn dịch	Dung dịch phụ rửa kim máy miễn dịch Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 2x25 ml	10
404	12.58	Dung dịch natri hypochlorit rửa kim máy miễn dịch	Dung dịch rửa kim máy miễn dịch Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp: 1 x 50 ml	10

405	12.59	Hóa chất, chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AMH	Dùng để định lượng hormone kháng Müllerian (AMH) trong huyết thanh và huyết tương người. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 100 test	400
406	12.60	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng AMH	- Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng AMH chất kiểm chuẩn nồng độ 1 chất kiểm chuẩn nồng độ 2 chất kiểm chuẩn nồng độ 3 Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 2 x 3 x 2 ml	4
	LÔ 13 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU					
407	13.1	Xét nghiệm đo thời gian PT	Hóa chất dùng để xét nghiệm đo thời gian PT dành cho máy đông máu. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5x20mL+5x20mL/hộp	60
408	13.2	Xét nghiệm đo thời gian APTT	Hóa chất dùng để xét nghiệm đo thời gian APTT dành cho máy phân tích đông máu Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5x9mL+5x8mL/hộp	60
409	13.3	Xét nghiệm định lượng Fibrinogen, theo phương pháp Clauss	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Fibrinogen-Clauss trên máy phân tích đông máu Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	10x2mL/hộp	40
410	13.4	Dung dịch dùng để xúc rửa máy	Hóa chất dung dịch dùng để xúc rửa trên hệ thống phân tích đông máu tự động. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	1x4000mL/bình	420
411	13.5	Xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng D-Dimer theo phương pháp miễn dịch latex trên máy phân tích đông máu Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	3x4mL+3x6mL+2x1mL/ hộp	60
412	13.6	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	5x1mL+5x1mL/hộp	48
413	13.7	Dùng để pha loãng	Hóa chất dùng để pha loãng xét nghiệm chuẩn máy trên hệ thống đông máu. Dạng Lỏng. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	100mL/hộp	36
414	13.8	Dung dịch dùng để làm sạch máy	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch trên hệ thống máy đông máu tự động. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	500mL/hộp	120

415	13.9	Dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động	Hóa chất dung dịch dùng để làm sạch và tẩy nhiễm trên hệ thống máy đông máu tự động. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	80mL/hộp	50
416	13.10	Cóng phản ứng dạng khối dùng cho hệ thống máy đông máu tự động	Cóng phản ứng dùng trên hệ thống máy đông máu tự động. Dạng nhựa rắn Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Hộp	2400 cuvette/hộp	90
417	13.11	Chất kiểm chứng mức bình thường dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT,APTT, TT,Fibrinogen, các loại yếu tố, yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bình thường Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	10x1mL/hộp	10
418	13.12	Chất kiểm chứng mức bất thường thấp dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT,APTT, TT,Fibrinogen, Antithrombin, Protein S, Protein C, Hepatocomplex ở dải đo bất thường thấp. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	10x1mL/hộp	10
419	13.13	Chất kiểm chứng mức bất thường cao dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm đông máu như PT,APTT, Hepatocomplex ở dải đo bất thường cao Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	10x1mL/hộp	10
420	13.14	Chất chuẩn dùng cho các xét nghiệm trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu như Fibrinogen, các loại yếu tố,yếu tố Von Willebrand, Antithrombin, Plasminogen, Plasmin Inhibitor, Protein S, Protein C. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	10x1mL/hộp	10
421	13.15	Xét nghiệm định lượng Antithrombin	Hóa chất dùng để xét nghiệm định lượng Antithrombin Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4x4.5mL+4x4.5mL/hộp	6
422	13.16	Xét nghiệm định lượng Anti Xa	Hóa chất dùng để xác định hoạt độ heparin không phân đoạn hoặc Heparin trọng lượng phân tử thấp, các chất ức chế trực tiếp yếu tố FXa như Rivaroxaban, Apixaban Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5x3mL+5x2.5mL/hộp	6
423	13.17	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Anti Xa (LMW Heparin)	Hóa chất dùng để kiểm chuẩn cho xét nghiệm xác định Heparin trọng lượng phân tử thấp trong dải đo thấp và dải đo cao. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	5x1mL+5x1mL/hộp	6
424	13.18	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng Anti Xa trên máy phân tích đông máu	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn cho xét nghiệm đông máu Heparin ≥ 3 mức. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	1x1mL+1x1mL+1x1mL/bộ	6

425	13.19	Xét nghiệm định lượng Protein C	Hóa chất dùng để xác định xét nghiệm Protein C Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2x2.5mL+2x2.5mL+1x8 mL/hộp	10
426	13.20	Xét nghiệm định lượng Protein S tự do	Hóa chất dùng để xét nghiệm xác định Free Protein S Tiêu chuẩn chất lượng FDA / CE Xuất xứ: Châu Âu	Hộp	3x4mL+3x4mL+3x2mL/ hộp	10
427	13.21	Xét nghiệm đo thời gian Thrombin Time (TT)	Hóa chất dùng để xét nghiệm thời gian ThrombinTime (TT). Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4x2mL+1x9mL/hộp	10
	LÔ 14 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM HBA1C TỰ ĐỘNG					
428	14.1	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c (Column Unit 80/tương đương)	Dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người. Thành phần: Hydrophilic polymer of methacrylate esters copolymer. Pre-filter tích hợp trên cột sắc ký Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2500 test/hộp	52
429	14.2	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c (Eluent 80A/tương đương)	Dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.. Thành phần: Sodium perchlorate, Sodium azide Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	600ml x 4/hộp	156
430	14.3	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c (Eluent 80B/tương đương)	Dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.. Thành phần: Sodium perchlorate, Phosphate, Sodium azide; Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	600ml x 2/hộp	100
431	14.4	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c (Eluent 80CV/tương đương)	Dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.. Thành phần: Phosphate, Sodium perchlorate, Sodium azide; Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	600ml x 2/hộp	100
432	14.5	Chất thử xét nghiệm định lượng HbA1c (Hemolysis Washing Solution 80H/tương đương)	Dùng để xác định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần của người.. Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2000ml x 3/hộp	160
433	14.6	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng HbA1c (extendSURE HbA1c Lyophilised Controls/tương đương)	Được sử dụng như một vật liệu quản lý chất lượng nhằm theo dõi độ chính xác và độ đúng của các phòng thí nghiệm sử dụng quy trình định lượng HbA1c.	Hộp	0,25 ml x 4 LV1 0,25 ml x 4 LV2 /hộp	12
	LÔ 15 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM KHÍ MÁU					
434	15.1	Hóa chất chạy mẫu khí máu	Cung cấp điểm chuẩn cho pH điện giải Hct. Hóa chất đệm cho chạy mẫu Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 Bộ/ Hộp (265 test/bộ)	18
435	15.2	Hóa chất rửa sử dụng cho máy khí máu	Rửa kim hút và đầu dò, các bộ phận liên quan đến mẫu Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4 Bộ/ Hộp (180 test/bộ)	20
436	15.3	Bình khí Cal/Slope	Cal: Cung cấp điểm chuẩn cho pCO2 và pO2 trong việc hiệu chuẩn 1 điểm và 2 điểm Slope: Cung cấp điểm dốc cho pCO2 và pO2 trong việc hiệu chuẩn 2 điểm Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2 Bình/ Hộp	14

437	15.4	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho pH/ khí máu, điện giải, CO-OX và các chất chuyển hóa. Thành phần bao gồm bộ đệm bicarbonate có chứa Na+, K+, Ca++, Cl , carbon dioxide, oxygen, nitơ, glucose, lactate và thuốc nhuộm. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	30 Lọ/ Hộp (30 lọ x 2.5ml)	30
438	15.5	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho pH/ khí máu, điện giải, CO-OX và các chất chuyển hóa. Thành phần bao gồm bộ đệm bicarbonate có chứa Na+, K+, Ca++, Cl , carbon dioxide, oxygen, nitơ, glucose, lactate và thuốc nhuộm. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	30 Lọ/ Hộp (30 lọ x 2.5ml)	30
439	15.6	Hóa chất kiểm chuẩn mức 3	Hóa chất kiểm chuẩn mức 3 cho pH/ khí máu, điện giải, CO-OX và các chất chuyển hóa. Thành phần bao gồm bộ đệm bicarbonate có chứa Na+, K+, Ca++, Cl , carbon dioxide, oxygen, nitơ, glucose, lactate và thuốc nhuộm. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	30 Lọ/ Hộp (30 lọ x 2.5ml)	30
	LÔ 16 - HOÁ CHẤT XÉT NGHỆM KHÍ MÁU THIẾT BỊ CẦM TAY					
440	16.1	Thẻ xét nghiệm CG4+	Thông số KHÍ MÁU + LACTA: pH, PCO2, PO2, TCO2, HCO3, BEecf, SO2, Lactate.	Thẻ	25 thẻ / hộp	4.500
441	16.2	Thẻ xét nghiệm G3+	Thông số KHÍ MÁU: pH, PCO2, PO2, TCO2, HCO3, BEecf, SO2.	Thẻ	25 thẻ / hộp	1.000
	LÔ 17 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM CHO MÁY COBAS 6800					
442	17.1	Hóa chất xét nghiệm định lượng DNA HBV	Phương pháp xét nghiệm: Real-time PCR -Giới hạn phát hiện: Phát hiện DNA HBV ở nồng độ 3 IU/mL với tỷ lệ đích ≥ 95% cho thể tích xử lý mẫu 500 µL và ở nồng độ 17.5 IU/mL với tỷ lệ đích ≥ 95% cho thể tích xử lý mẫu 200 µL trong huyết tương chống đông bằng EDTA. -Độ nhạy: Độ nhạy phân tích: 2.7 IU/mL (500 µL huyết tương chống đống bằng EDTA), 15.5 IU/mL (200 µL huyết tương chống đống bằng EDTA), 2.4 IU/mL (500 µL huyết thanh) và 12.5 IU/mL (200 µL huyết thanh) -Độ đặc hiệu: Độ đặc hiệu: 100% (giới hạn tin cậy 95%: ≥ 99.5%). Tiêu chuẩn chấ lượng: CE/FDA Xuất xứ: G7	Hộp	192 xét nghiệm/Hộp	40
443	17.2	Vật liệu kiểm soát âm tính xét nghiệm phát hiện / định tính / định lượng RNA HIV-1, RNA HIV-2, RNA HCV, DNA HBV, DNA cytomegalovirus	Mẫu huyết tương người bình thường, không phản ứng với các xét nghiệm được cấp phép cho kháng thể với HCV, kháng thể với HIV1/2, HBsAg, kháng thể với HBc, HIV-1 RNA, HIV-2 RNA, HCV RNA được phát hiện bởi phương pháp PCR < 0.1% ProClin Tiêu chuẩn chấ lượng: CE/FDA Xuất xứ: G7	Hộp	16 x 1 mL/Hộp	40
444	17.3	Vật liệu kiểm soát dương tính xét nghiệm định tính và định lượng RNA HIV-1, định lượng DNA HBV, định tính và định lượng RNA HCV	Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ thấp HBV/HCV/HIV-1 Low Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 L(+)C): 5.2 mL (8 x 0.65 mL) - Vật liệu kiểm soát dương tính nồng độ cao HBV/HCV/HIV-1 High Positive Control (HBV/HCV/HIV-1 H(+)C): 5.2 mL (8 x 0.65 mL) Tiêu chuẩn chấ lượng: CE/FDA Xuất xứ: G7	Hộp	Hộp 8 xét nghiệm (gồm 8 chai nồng độ thấp x 0.65 mL và 8 chai nồng độ cao x 0.65 mL)/Hộp	80
445	17.4	Hóa chất pha loãng mẫu 4 bình x 875 mL	Đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide Tiêu chuẩn chấ lượng: CE/FDA Xuất xứ: G7	Hộp	4 bình x 875 mL/Hộp	28

446	17.5	Hóa chất ly giải 4 bình x 875 mL	Thành phần hóa chất có guanidine thiocyanate, polydocanol, dithiothreitol, dihydro natri citrate Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: G7	Hộp	4 bình x 875 mL/Hộp	28
447	17.6	Hóa chất rửa hệ thống 4200 mL	Natri citrate dihydrate, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: G7	Bình	4200 mL/Bình	120
448	17.7	Hạt bi từ 480 xét nghiệm	Hạt thủy tinh từ tính, đệm Tris, 0.1% methyl-4 hydroxybenzoate, < 0.1% natri azide Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: G7	Bình	480 xét nghiệm/Bình	36
449	17.8	Đĩa xử lý mẫu	Đĩa xử lý mẫu 48 vị trí Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Hộp	32 PC/Hộp	50
450	17.9	Đĩa phản ứng	Đĩa khuếch đại 96 vị trí. Có dán mã vạch Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Hộp	32 PC/Hộp	50
451	17.10	Đầu típ pipet 16x96 cái	Típ đựng trong khay. Gồm 2 loại típ: Dài 95 mm và dài 60 mm Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Hộp	16 x 96 cái/Hộp	60
452	17.11	Ống thứ cấp tiêu hao phụ trợ cho các hệ thống xét nghiệm Acid nucleic và máy hút mẫu tự động	Ống đựng mẫu thứ cấp, kích thước 13 x 75 Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Hộp	1500 cái/ thùng/Hộp	2
453	17.12	Hóa chất xét nghiệm định tính và định lượng RNA HCV	Phương pháp xét nghiệm: Realtime PCR -Giới hạn phát hiện: RNA HCV ở nồng độ 8.46 IU/mL với khoảng tin cậy 95% là 7.50-9.79 IU/mL cho thể tích xử lý mẫu 500 µL trong huyết tương chống đông bằng EDTA, và ở nồng độ 9.61 IU/mL với khoảng tin cậy 95% là 8.70-10.95 IU/mL cho thể tích xử lý mẫu 500 µL trong huyết thanh. Phát hiện tất cả các kiểu gen HCV -Độ nhạy: Độ nhạy phân tích: 15 IU/mL (500 µL) và 40 IU/mL (200 µL) -Độ đặc hiệu: 100% (giới hạn tin cậy 95%: ≥ 99.5%). Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	192 xét nghiệm/Hộp	12
454	17.13	Hóa chất xét nghiệm định tính và định lượng RNA HIV-1	Phương pháp xét nghiệm: Real-time PCR -Giới hạn phát hiện: Giới hạn phát hiện trong huyết tương chống đông bằng EDTA (500 µL): 13.2 cp/mL Giới hạn phát hiện trong huyết tương chống đông bằng EDTA (200 µL): 35.5 cp/mL Giới hạn phát hiện kết hợp với PSC: 790.2 cp/mL -Độ đặc hiệu: Mẫu huyết tương chống đông bằng EDTA: 100% (khoảng tin cậy một bên 95%: 99.5%) Mẫu huyết tương khô PSC: 100% (khoảng tin cậy một bên 95%: 98.3%) Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	192 xét nghiệm/Hộp	12
	LÔ 18 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM REAL-TIME PCR					

455	18.1	Hóa chất định lượng Hepatitis B Virus (HBV) bằng kỹ thuật Real-time PCR	Bộ hóa chất xét nghiệm Real-time PCR phát hiện định lượng DNA Hepatitis B Virus (HBV) từ huyết tương bằng kỹ thuật Real-time PCR. - Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≥ 7 IU/ml, độ đặc hiệu ≥ 99%; + Gen mục tiêu: vùng 5' mã hóa HBsAg. Kit phát hiện tất cả các kiểu gen HBV (A, B, C,D, H) + Trong cùng một lô, các mẫu bệnh phẩm sử dụng cùng một đường chuẩn. - Thành phần cung cấp: + Thuốc thử RT-PCR + Chứng nội (CONTROL INT) + Chứng 1 (CONTROL 1) + Chứng 2 (CONTROL 2) + Chứng âm (CONTROL -) + CAL 1 + CAL 2 - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/bộ	6.720
456	18.2	Hóa chất định lượng Hepatitis C Virus (HCV) bằng kỹ thuật Real-time PCR	Bộ hóa chất xét nghiệm Real-time PCR phát hiện định lượng RNA Hepatitis C Virus (HCV) từ huyết tương bằng kỹ thuật Real-time PCR Tính năng kỹ thuật: + Độ nhạy: ≥ 13 IU/ml, độ đặc hiệu: ≥ 100%; + Gen mục tiêu: vùng 5'UTR. Khả năng phát hiện tất cả các kiểu gen HCV + Trong cùng một lô, các mẫu bệnh phẩm sử dụng cùng một đường chuẩn. - Thành phần cung cấp: + Thuốc thử RT-PCR: + Chứng nội (CONTROL INT) + Chứng 1 (CONTROL 1) + Chứng 2 (CONTROL 2) + Chứng âm (CONTROL -) + CAL 1 + CAL 2 - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/bộ	1.920
457	18.3	Ly trích và tinh sạch DNA/RNA virus trên hệ thống máy tách chiết tự động	- Bộ hóa chất dùng để tách chiết DNA/RNA virus trên hệ thống máy tách chiết tự động, dùng để tách chiết huyết thanh, huyết tương, dịch não tủy hoặc nước tiểu đã xử lý. - Các sản phẩm sau tách chiết được ứng dụng trong qPCR, giải trình tự (NGS), Microarray, RFLP, Southern Blot. - Có Carrier RNA hỗ trợ tách chiết. - Hóa chất tách chiết được đóng sẵn trong khay, cùng với vật tư, thực hiện từng mẫu hoặc nhiều mẫu, không tốn thêm vật tư. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	48 test/bộ	9.600

458	18.4	Bộ hóa chất xét nghiệm để phát hiện 22 type (20 type nguy cơ cao và 2 type nguy cơ thấp) của Human Papillomavirus (HPV)	Dùng để phát hiện 22 type (20 type nguy cơ cao và 2 type nguy cơ thấp) của Human Papillomavirus (HPV) từ mẫu phết cổ tử cung, âm đạo, niệu đạo, hậu môn, mô FFPE bằng kỹ thuật Real-time PCR. + Gene mục tiêu: E6, E7 + Phát hiện riêng biệt HPV type 6, 11, 16, 18; phát hiện nhóm (không phân biệt) 12 type HPV-HR (31, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 59, 66, 68); phát hiện nhóm (không phân biệt) 06 type HPV khác (26, 53, 67, 70, 73, 82) + Bộ kit bao gồm PCR master mix sẵn sàng sử dụng, chứa tất cả thuốc thử cần thiết cho phản ứng cũng như dUTP/UNG giúp ngăn chặn nguy cơ lây nhiễm từ lần khuếch đại trước. + Độ nhạy chẩn đoán: ≥ 99% (phản ứng 1) và ≥ 97% (phản ứng 2); + Độ đặc hiệu chẩn đoán: ≥ 99% (phản ứng 1) và ≥ 99% (phản ứng 2) - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 test/bộ	2.000
459	18.5	Ly trích và tinh sạch DNA/RNA vi sinh vật gây bệnh lây truyền qua đường tình dục trên hệ thống máy tách chiết tự động	Dùng để tách chiết DNA vi sinh vật gây bệnh lây truyền qua đường tình dục (Chlamydia trachomatis, Neisseria gonorrhoeae, Human papilloma virus…) từ mẫu phết, nước tiểu, tinh dịch trên hệ thống máy tách chiết tự động. Bộ kit có buffer BL4 giúp hóa lỏng mẫu. - Nguồn mẫu: mẫu phết, nước tiểu, tinh dịch. - Tính năng kỹ thuật: có buffer BL4 giúp hóa lỏng mẫu. - Hóa chất tách chiết được đóng sẵn trong khay cùng với vật tư, thực hiện từng mẫu hoặc nhiều mẫu, không tốn thêm vật tư. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	test	48 test/bộ	2.112
460	18.6	Bộ xét nghiệm định tính đa hình gen CYP2C19*2, CYP2C19*3, CYP2C19*17	Bộ xét nghiệm định tính đa hình gen CYP2C19*2, CYP2C19*3, CYP2C19*17 - Hóa chất PCR master mix pha sẵn, chứa các thành phần cần thiết cho phản ứng khuếch đại và dUTP/UDG - Phân tích kết quả dựa trên tính toán giá trị ΔCt giữa các kênh màu trong 2 phản ứng của mỗi mẫu, để xác định các kiểu gen dị hợp, đồng hợp đột biến và đồng hợp hoang dại của các đa hình gen CYP2C19*2, CYP2C19*3, CYP2C19*17 - Mỗi mẫu chạy 2 phản ứng - Giới hạn phát hiện dưới là ≥1.0 ng/µl - Độ lặp lại: CV≤5.0%. - Nguồn mẫu: Mẫu máu toàn phần - Thành phần cung cấp (bộ): + Reaction Buffer 1 + Reaction Buffer 2 + Positive Control + Blank Control	Test	24 test/ hộp	720

461	18.7	Bộ ly trích và tinh sạch DNA từ máu toàn phần trên hệ thống máy tách chiết tự động	Dùng để tách chiết DNA từ máu toàn phần trên hệ thống máy tách chiết tự động, dùng để tách chiết DNA từ 100-400 µl máu toàn phần và dịch huyền phù tế bào máu động vật có vú. - Hóa chất tách chiết được đóng sẵn trong khay cùng với vật tư, thực hiện từng mẫu hoặc nhiều mẫu, không tốn thêm vật tư. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ : các nước thuộc nhóm G7	Test	48 test/ bộ	960
462	18.8	Bộ xét nghiệm dùng để xác định các carbapenemases Ambler loại A, B và D chính chịu trách nhiệm kháng kháng sinh carbapenem và gen kháng colistin	Bộ xét nghiệm dùng để xác định các carbapenemases Ambler loại A, B và D chính chịu trách nhiệm kháng kháng sinh carbapenem và gen kháng colistin - PCR master mix sẵn sàng sử dụng, chứa tất cả thành phần phản ứng và dUTP/UNG giúp ngăn chặn nguy cơ nhiễm từ lần khuếch đại trước - Nguồn mẫu: Mẫu phết trực tràng và khuẩn lạc vi khuẩn - Giới hạn phát hiện (LOD): ≥ 8 - 22 copies/phản ứng (đối với IMP, VIM, NDM) và ≥ 1 - 14 copies/phản ứng (đối với KPC, OXA-48-like, mcr1, 2, 4) - Độ đặc hiệu chẩn đoán: ≥ 99% (đối với IMP, VIM, NDM) và ≥ 96% (đối với KPC, OXA-48-like, mcr1, 2, 4) + Độ nhạy chẩn đoán: ≥ 99% + Độ chính xác: ≥ 99% (đối với IMP, VIM, NDM) và ≥ 97% (đối với KPC, OXA-48-like, mcr1, 2, 4) + Kết quả phát hiện trên 4 kênh màu: - Carba B Real-time mix: gen IMP được phát hiện trên kênh FAM, gen VIM được phát hiện trên kênh JOE/HEX, gen NDM được phát hiện trên kênh Cy5, chứng nội (16S rRNA) được phát hiện trên kênh ROX - Carba A+D Real-time mix: gen KPC được phát hiện trên kênh FAM, gen OXA-48-like được phát hiện trên kênh JOE/HEX, gen mcr-1, mcr-2, mcr-4 được phát hiện trên kênh Cy5, chứng nội (16S rRNA) được phát hiện trên kênh ROX - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	test	50 test/ bộ	400
463	18.9	Bộ tách chiết DNA bộ gen vi khuẩn Gram âm và Gram dương trên hệ thống máy tách chiết tự động.	Bộ xét nghiệm chỉ định cho quy trình tách chiết DNA bộ gen vi khuẩn Gram âm và Gram dương trên hệ thống máy tách chiết tự động. - Bộ kit cung cấp Buffer BL2 chuyên dùng để ly giải thành tế bào vi khuẩn. - Hóa chất tách chiết được đóng sẵn trong khay, cùng với vật tư, thực hiện từng mẫu hoặc nhiều mẫu, không tốn thêm vật tư. - Nguồn mẫu: khuẩn lạc, mẫu phết, dịch nuôi cấy, dịch cơ thể không chứa tế bào, môi trường vận chuyển lỏng, nước tiểu, vật liệu từ môi trường (nước, đất…). - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	test	48 test/ bộ	576

464	18.10	Tuýp ly tâm PCR nắp phẳng 0.2ml, trong suốt	Ống PCR 0.2 ml nắp phẳng trong suốt - Không chứa DNase, RNase, DNA người, ATP và Pyrogen, không chứa nội độc tố (Endotoxin) và chất ức chế PCR - Độ dày thành ống mỏng và đồng nhất để đảm bảo truyền nhiệt tối ưu, giảm hiệu ứng cách nhiệt. - Được làm từ: Polypropylene (PP) nguyên chất, kỵ nước, đạt tiêu chuẩn - Màu sắc trắng mờ (Tự nhiên) - Nắp đậy đảm bảo độ kín, loại bỏ nguy cơ bay hơi mẫu. Nắp phẳng trong suốt để sử dụng cho qPCR thời gian thực. - Có thể hấp tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	1000 (2x500) cái/thùng	4.000
	LÔ 19 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH VÀ KHÁNG SINH ĐỒ TỰ ĐỘNG (TB1)					
465	19.1	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Có 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Quinolone, Cyclic peptide, Tetracyclinee, Glycylcycline, Folate Antagonist. - Phát hiện các vi khuẩn sinh men carbapenemase (CPO): Enterobacteriaceae, Acinetobacter và Pseudomonas trong vòng 6 -11 giờ. - Có kháng sinh Ceftazidime/Avibactam - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	25 panel/hộp	120
466	19.2	Thẻ định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy nghi. - Có 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Aminoglycoside, Macrolide Lincosmide, Quinolone, Tetracyclinee, Fusidane, Oxazolidinone, Nitrofuran, Glycopeptide, Macrolides Lincosmides Streptogramins, Folate Antagonist. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	25 panel/hộp	46
467	19.3	Thẻ định danh và kháng sinh đồ liên cầu khuẩn	Dùng để định danh nhanh và thử nghiệm độ nhạy cảm của các loài vi khuẩn Streptococcus - Có 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang - Có chứa các loại kháng sinh và 1 giếng kiểm soát sinh trưởng. Các kháng sinh thuộc các nhóm: Beta-lactam, Phenicol, Macrolide Lincosamide, Quinolone, Oxazolidinone, Glycopeptide, Tetracyclinee, Folate Antagonist - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	25 panel/hộp	10
468	19.4	Thẻ định danh nấm men	Dùng để định danh nhanh hầu hết các loại nấm men và các vi sinh vật giống nấm men. - Panel bao gồm 45 giếng cơ chất hoá sinh và 2 giếng huỳnh quang. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	25 panel/hộp	28

469	19.5	Canh trường dùng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm	Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn và vi nấm trong xét nghiệm định danh và xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương và vi nấm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4.5mL/ống x 100 ống/hộp	56
470	19.6	Canh trường dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn	Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	8 mL/ống x 100 ống/hộp	52
471	19.7	Chất chỉ thị dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn	Được sử dụng để phát hiện sự trao đổi chất của vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram âm, vi khuẩn gram dương. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	6mL/lọ x 10 lọ/hộp	40
472	19.8	Canh trường dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus	Được sử dụng để chuẩn bị huyền dịch vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Ống	8 mL/ ống x 100 ống/hộp	400
473	19.9	Chất chỉ thị dùng trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus	Được sử dụng để phát hiện sự trao đổi chất của vi khuẩn trong xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	6mL/lọ x 10 lọ/hộp	10
	LÔ 20 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH KHÁNG SINH ĐỒ (TB2)					
474	20.1	Dung dịch pha mẫu NaCl nồng độ 0.45%	Dung dịch nước muối 0.45% (SALINE SOLUTION 0.45% NaCl) được sử dụng để chuẩn bị thủ công huyền dịch vi sinh vật, trước khi tiến hành định danh và thử nghiệm tính nhạy cảm kháng sinh trên các thiết bị định danh & kháng sinh đồ tự động. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA; - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Hộp/20 chai x 500ml	80
475	20.2	Hóa chất tích hợp trên thẻ dùng cho xét nghiệm định danh Neisseria Haemophilus	- Thẻ được sử dụng trên hệ thống định danh tự động để định danh vi khuẩn Neisseria/Haemophilus và các vi khuẩn khó mọc khác. - Thẻ căn cứ vào các phương pháp hóa sinh đã được thiết lập và các cơ chất đã phát triển mới tính toán việc sử dụng nguồn cacbon, hoạt tính enzym. Thẻ nhựa 64 giếng gồm 30 tính chất sinh vật hóa học và 1 giếng chứng; - Thẻ định danh NH là thẻ dùng một lần. Thời gian cho kết quả định danh: ≤ 6 giờ. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 20 test	800

476	20.3	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi khuẩn kỵ khí	- Thẻ định danh vi khuẩn kị khí và Corynebacteria được sử dụng trên hệ thống định danh tự động để định danh hầu hết các vi khuẩn kỵ khí và Corynebacterium có ý nghĩa lâm sàng. - Thẻ căn cứ vào các phương pháp hóa sinh đã được thiết lập và đã phát triển mới các cơ chất. Có 36 xét nghiệm hóa sinh đo việc sử dụng nguồn cacbon và hoạt động của enzym. - Thẻ định danh ANC là thẻ dùng một lần. Thời gian cho kết quả định danh: ≤ 6 giờ. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 20 test	800
477	20.4	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi khuẩn gram âm	- Thẻ định danh vi khuẩn Gram âm được sử dụng trên hệ thống định danh tự động để định danh các trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men. - Thẻ GN căn cứ vào các phương pháp hóa sinh đã được thiết lập và đã phát triển mới các cơ chất tính toán việc sử dụng nguồn cacbon, hoạt tính enzym và tính kháng. - Thẻ định danh GN là thẻ dùng một lần, thời gian cho kết quả định danh: ≤ 10 giờ. - Bảo quản thẻ hóa chất trong lớp lót kín của bao bì ở nhiệt độ từ 2-8°C - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 20 test	1.600
478	20.5	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm kháng sinh đồ vi khuẩn gram âm.	- Thẻ kháng sinh đồ Gram âm được sử dụng với Hệ thốngtự động trong phòng xét nghiệm lâm sàng như một xét nghiệm in vitro để xác định tính nhạy cảm của Trực khuẩn Gram âm hiếu khí - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 20 test	1.600
479	20.6	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi khuẩn gram dương.	- Thẻ định danh vi khuẩn Gram dương được sử dụng trên hệ thống định danh tự động để định danh các vi khuẩn Gram dương. - Thẻ định danh GP là thẻ dùng một lần; thời gian cho kết quả định danh: ≤ 8 giờ. - Bảo quản thẻ hóa chất trong lớp lót kín của bao bì ở nhiệt độ từ 2-8°C - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 20 test	600
480	20.7	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm kháng sinh đồ vi khuẩn gram dương.	- Thẻ kháng sinh đồ Gram dương AST-P592 được sử dụng với hệ thống tự động trong phòng xét nghiệm lâm sàng như một xét nghiệm in vitro để xác định tính nhạy cảm của Staphylococcus spp., Enterococcus spp., và S. agalactiae. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 20 test	600
481	20.8	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm định danh vi nấm	- Thẻ định danh nấm sử dụng với hệ thống định danh tự động để định danh hầu hết các loại nấm có ý nghĩa lâm sàng hoặc vi sinh vật giống nấm men. - Thẻ định danh YST là thẻ dùng một lần; thời gian cho kết quả định danh: ≤ 18 giờ. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 20 test	400

482	20.9	Hóa chất tích hợp trên card dùng cho xét nghiệm xác định kháng nấm đồ	- Thẻ kháng sinh đồ nấm men được sử dụng với hệ thống định danh & kháng sinh đồ tự động như một thử nghiệm in vitro để xác định tính nhạy cảm của nấm men. - Thành phần kháng sinh trong thẻ hóa chất: Amphotericin B, Caspofungin, Fluconazole, Flucytosine, Micafungin, Voriconazole[SDD] - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	Hộp 20 test	400
483	20.10	Tuýp nhựa trong12x75 mm (dùng cho máy định danh vi khuẩn)	Ống nhựa PS (Polystyrene) để pha loãng mẫu xét nghiệm sử dụng trên hệ thống định danh kháng sinh đồ tự động. - Chất liệu: Nhựa; Thể tích thực: 4 mL - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Ống	Thùng/ 2000 ống	12.000
484	20.11	Tuýp nhựa trong12x75 mm (dùng cho máy định danh vi khuẩn)	Ống nhựa PS (Polystyrene) để pha loãng mẫu xét nghiệm sử dụng trên hệ thống định danh kháng sinh đồ tự động. Chất liệu: Nhựa; Thể tích thực: 4 mL Bảo quản: nhiệt độ phòng. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Ống	Thùng/ 2000 ống	2.000
	LÔ 21 - HOÁ CHẤT SỬ DỤNG TRÊN MÁY CẤY MÁU TỰ ĐỘNG (TB1)					
485	21.1	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật kỵ khí	-Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi vi sinh vật kỵ khí từ mẫu máu. - Hoạt động dựa vào sự gia tăng tín hiệu huỳnh quang gây ra bởi sự gia tăng nồng độ CO2 do vi sinh vật sử dụng trong quá trình trao đổi chất. - Môi trường có chứa saponin nhằm ly giải tế bào để giải phóng vi sinh vật khỏi thực bào. - Có bổ sung thêm CO2 và N2 - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	40mL/chai x 50 chai	3.000
486	21.2	Chai cấy máu phát hiện vi sinh vật hiếu khí	- Sử dụng trong quy trình nuôi cấy và phục hồi hiếu khí các vi sinh vật từ mẫu máu. - Hoạt động dựa vào sự gia tăng tín hiệu huỳnh quang gây ra bởi sự gia tăng nồng độ CO2 do vi sinh vật sử dụng trong quá trình trao đổi chất. - Môi trường chứa hạt resin nhằm trung hòa lượng kháng sinh. - Chai có một cảm biến hoá học được theo dõi bởi máy cấy máu sau mỗi 10 phút để phát hiện sự gia tăng của huỳnh quang. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	30mL/chai x 50 chai/hộp	3.000
	LÔ 22 - HOÁ CHẤT SỬ DỤNG TRÊN MÁY CẤY MÁU TỰ ĐỘNG (TB2)					

487	22.1	Chai nuôi cấy máu hiếu khí bằng nhựa chứa hạt Polymeric	- Chai cấy máu hiếu khí tự động chứa môi trường được sử dụng cùng với hệ thống phát hiện vi khuẩn trong qui trình để tăng cường phục hồi và phát hiện các vi sinh vật hiếu khí từ máu và các dịch vô khuẩn khác trong cơ thể. - Áp dụng kỹ thuật so màu (colormetric measurement), phát hiện sự thay đổi màu của môi trường (Liquid Emulsion Sensor) xảy ra do CO2 tạo ra từ sự phát triển vi sinh vật. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thùng	30ml/chai x 100 chai/thùng	2.000
488	22.2	Chai nuôi cấy máu kỵ khí bằng nhựa chứa hạt Polymeric	- Chai cấy máu kỵ khí tự động chứa môi trường nuôi cấy kỵ khí được sử dụng cùng với hệ thống phát hiện vi khuẩn trong qui trình để tăng cường phục hồi và phát hiện các vi sinh vật kỵ khí từ máu và các dịch vô khuẩn khác trong cơ thể. - Áp dụng kỹ thuật so màu (colormetric measurement), phát hiện sự thay đổi màu của môi trường (Liquid Emulsion Sensor) xảy ra do CO2 tạo ra từ sự phát triển vi sinh vật. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thùng	40ml/chai x 100 chai/thùng	2.000
489	22.3	Chai nuôi cấy máu dành cho trẻ dưới 12kg bằng nhựa chứa hạt Polymeric	- Chai cấy máu tự động dành cho trẻ dưới 12kg chứa môi trường được sử dụng với hệ thống phát hiện vi sinh vật trong quy trình định tính nhằm tăng khả năng tìm thấy và phát hiện vi sinh vật hiếu khí, kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm) trong máu. (dùng cho bệnh nhân trẻ em) - Áp dụng kỹ thuật so màu (colormetric measurement), phát hiện sự thay đổi màu của môi trường (Liquid Emulsion Sensor) xảy ra do CO2 tạo ra từ sự phát triển vi sinh vật. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thùng	30ml/chai x 100 chai/thùng	200
	LÔ 23 - HOÁ CHẤT NHUỘM GRAM TỰ ĐỘNG					
490	23.1	Hóa chất nhuộm định hướng vi sinh vật Fuchsin	Fuchsin (A) hoạt động như hóa chất nhuộm ngược. Chỉ vi khuẩn Gram âm nhuộm màu đỏ - hồng. Vi khuẩn Gram dương không bị tẩy màu vẫn giữ màu xanh - đen. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	mL	Hộp 500ml	12.000
491	23.2	Hóa chất nhuộm định hướng vi sinh vật Iodine	Iodine - B ổn định polyvinylpyrrolidone (chất cản màu) (B) xâm nhập vào tế bào vi sinh vật và tạo phức hợp với tím tinh thể. Iodine thừa sẽ được rửa sạch bằng nước cất - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	mL	Hộp 500ml	12.000
492	23.3	Hóa chất nhuộm định hướng vi sinh vật Crystal Violet	Crystal Violet làn hóa chất tím tinh thể xâm nhập nhanh vào tế bào vi sinh vật và nhuộm tế bào thành màu xanh-đen. Thuốc nhuộm thừa sẽ được rửa sạch bằng nước cất để tránh tạo thành kết tủa ở bên ngoài của các tế bào đã bắt màu. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE/FDA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	mL	Hộp 500ml	12.000
	LÔ 24 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG (VI SINH - TB1)					

493	24.1	Hóa chất xét nhiệm định tính kháng thể HCV	Hóa chất định tính kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết thanh hoặc huyết tương ứng dụng công nghệ hóa phát quang vi hạt từ với chất nền hóa phát quang , dùng trên hệ thống miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 test	20.000
494	24.2	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HCV	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HCV trên hệ thống miễn dịch tự động, Gồm: HCV Ab Negative Calibrator ; HCV Ab Positive Calibrator. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	NC: 1mLx1; PC: 1mLx1	20
495	24.3	Hóa chất xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (HBsAg)	Hóa chất xét nghiệm kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương ứng dụng công nghệ hóa phát quang vi hạt từ dùng trên hệ thống miễn dịch tự động. (Hoặc tương đương) S Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 test	24.000
496	24.4	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg (HBs Ag calibrator)	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBsAg trên hệ thống miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1ml x 1 x 6 level/hộp	24
497	24.5	Hóa chất định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (Anti-HBs)	Hóa chất định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương ứng dụng công nghệ hóa phát quang vi hạt từ với chất nền hóa phát quang, dùng trên hệ thống miễn dịch tự động. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 tests	22.000
498	24.6	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs (Anti-HBs calibrator)	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBs trên hệ thống miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1mL × 4	10
499	24.7	Hóa chất định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B(HBeAg)	Hóa chất định tính kháng nguyên e của virus viêm gan B trong huyết thanh hoặc huyết tương ứng dụng công nghệ hóa phát quang vi hạt từ với chất nền hóa phát quang, dùng trên hệ thống miễn dịch tự động. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	50 tests	5.200
500	24.8	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBeAg (HBeAg calibrator)	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HBeAg (chứa kháng nguyên Hbe tái tổ hợp). trên hệ thống miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	NC: 1mL x 1; PC: 1mL x 1	10
501	24.9	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBsAg, HBeAg, anti-HBs, anti-Hbe, anti-HBc (HBV Immunoassay control)	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBsAg, HBeAg, anti-HBs, anti-Hbe, anti-HBc trên hệ thống miễn dịch tự động. 1. HBV Antigen Positive Level 1 (HBsAg, HBeAg) 2. HBV Antigen Positive Level 2 (HBsAg, HBeAg) 3. HBV Antibody Positive Level 1 (Anti-HBs, Anti-HBe) 4. HBV Antibody Positive Level 2 (Anti-HBs, Anti-HBc) Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	3mL x 8	40
502	24.10	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBs antigen, HCV antibody, TP antibody, HIV antibody and HTLV-1 antibody	Chất kiểm chuẩn các xét nghiệm HBs antigen, HCV antibody, TP antibody, HIV antibody and HTLV-1 antibody trên hệ thống miễn dịch tự động Chất kiểm chuẩn mức 1. Chất kiểm chuẩn mức 2. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	3mL x 6	20
503	24.11	Chất nền Hóa phát quang trên hệ thống miễn dịch tự động	Chất nền hóa phát quang trên hệ thống miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	R4: 40ml; R5: 70ml/hộp	60
504	24.12	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) trên hệ thống miễn dịch tự động	Dung dịch phân tách B/F (bước rửa) trên hệ thống miễn dịch tự động sử dụng phương pháp miễn dịch hóa phát quang gắn enzyme với chất nền phát quang CDP-Star Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lít	10 lít / hộp	200

505	24.13	Dung dịch rửa đđường ống trên hệ thống miễn dịch tự động	Dung dịch rửa đường ống trên hệ thống miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lít	10 lít / hộp	4.000
506	24.14	Dung dịch rửa kim hút R4/R5 trên hệ thống miễn dịch tự động	Dung dịch rửa kim hút trên hệ thống miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2x250ml/hộp	60
507	24.15	Giếng phản ứng trên hệ thống miễn dịch tự động	Giếng phản ứng bằng nhựa, dùng 1 lần trên hệ thống miễn dịch tự động. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thùng	5000 cái / thùng	10
508	24.16	Đầu côn dùng một lần trên hệ thống miễn dịch tự động	Đầu côn hút mẫu dùng một lần trên hệ thống miễn dịch tự động. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thùng	5000 cái / thùng	10
509	24.17	Dung dịch pha loãng cho các xét nghiệm	Dung dịch pha loãng cho các xét nghiệm định lượng, dùng trên hệ thống miễn dịch tự động Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp 20ml	10
510	24.18	Hóa chất định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (Anti-TP)	Hóa chất R1: chứa kháng nguyên TP tái tổ hợp. Hóa chất R2: chứa hạt từ tính được phủ streptavidin 5 mg/mL. Hóa chất R3: chứa kháng nguyên TP tái tổ hợp Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 tests/hộp	800
511	24.19	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-TP	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm Anti-TPS Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1mL x 2	12
512	24.20	Hóa chất xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HBc	Dùng để xét nghiệm phát hiện kháng thể kháng HBc trong huyết thanh hoặc huyết tương.; Thuốc thử R1: chứa chất đệm phản ứng. Thuốc thử R2: chứa hạt từ tính được bọc bởi kháng nguyên HBc tái tổ hợp 5 mg/mL. Thuốc thử R3: chứa kháng nguyên HBc tái tổ hợp gắn nhãn ALP 0.11U/mL. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	50 tests/Kit	800
513	24.21	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBc.; + HBcAb NC 1 mL × 1 + HBcAb PC 1 mL × 1 HBcAb PC chứa kháng thể đa dòng kháng kháng nguyên HBc của thỏ, không chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ con người. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	NC: 1ml x 1; PC: 1ml x 1	8
514	24.22	Hóa chất xét nghiệm phát hiện kháng thể anti-HBe	Dùng để xét nghiệm phát hiện kháng thể anti-HBe trong huyết thanh hoặc huyết tương; Thuốc thử R1: chứa kháng nguyên HBe tái tổ hợp 12.0 PEIU/mL. Thuốc thử R2: chứa hạt từ tính được bọc bởi kháng thể đơn dòng anti-HBe (chuột) 5 mg/mL. Thuốc thử R3: chứa kháng thể đơn dòng anti-HBe (chuột) gắn nhãn ALP 0.16 U/mL. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	50 tests	800
515	24.23	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-Hbe	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Anti-HBe.; Thành phần: Anti-HBe NC 1 mL x 1 và Anti-HBe PC 1 mL x 1. Anti-HBe PC chứa kháng thể đơn dòng Anti-HBe ở chuột, không chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ con người. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1mL × 2	8
	LÔ 25 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG (VI SINH - TB2)					
516	25.1	Hóa chất xét nghiệm định tính HBsAg	Dùng để xét nghiệm định tính HBsAg, kháng nguyên bề mặt kháng virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết tương hoặc huyết thanh người; Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	3x14 tests/Hộp	6.300
517	25.2	Hóa chất xét nghiệm HBsAb	Dùng để xét nghiệm HBsAb, nhằm phát hiện định tính và định lượng kháng thể với kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (Anti -HBs) trong huyết tương hoặc huyết thanh người; Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	3x14 tests/Hộp	5.040

518	25.3	Hóa chất xét nghiệm HBcAb	Dùng để xét nghiệm HBcAb, nhằm phát hiện định tính kháng thể kháng nguyên lõi virus viêm gan B (Anti -HBc) trong huyết tương hoặc huyết thanh người; Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	3x14 tests/Hộp	1.260
519	25.4	Hóa chất xét nghiệm HBeAg	Dùng để xét nghiệm HBeAg, nhằm phát hiện định tính kháng nguyên E virus viêm gan B trong huyết tương hoặc huyết thanh người; Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	3x14 tests/Hộp	5.040
520	25.5	Hóa chất xét nghiệm HCV Ab	Dùng để xét nghiệm HCV Ab, nhằm phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C trong huyết tương hoặc huyết thanh người; Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	3x14 tests/Hộp	6.300
521	25.6	Vật liệu kiểm chuẩn xét nghiệm HBsAg, HCV, HBcAb	QC cho các xét nghiệm sau: HBsAg , Anti-HCV, Anti-HBc, Anti-HIV-1, HTLV-1) - Xác định các kháng thể kháng Human Immunodeficiency Virus loại 1 (HIV-1), kháng thể kháng Human T-Lymphotropic Virus loại I (HTLV-I), kháng thể kháng Hespatitis C Virus (HCV), kháng nguyên bề mặt Hepatitis B (HBsAg), kháng thể kháng kháng nguyên lõi Hepatitis B (HBc) và kháng thể kháng Cytomegalovirus (CMV) Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5ml/Lọ	48
522	25.7	Vật liệu kiểm chuẩn xét nghiệm HBsAg	Chất nội kiểm chuẩn của xét nghiệm HBsAg Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	2x3x2,5 mL/Hộp	20
523	25.8	Vật liệu kiểm chuẩn xét nghiệm HBsAb	QC cho các xét nghiệm sau: Anti-HAV, Anti-HBs - Xác định các kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt Hepatitis B (anti-HBs) và xác định các kháng thể kháng Hespatitis A virus (anti-HAV). Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5ml/Lọ	24
524	25.9	Vật liệu kiểm chuẩn xét nghiệm HBeAg	Vật liệu dùng để kiểm chuẩn xét nghiệm HBeAg Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	1x5ml/Lọ	24
525	25.10	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAg Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1x2x2,0 mL/Hộp	20
526	25.11	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAb	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBsAb Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1x2x1,5 mL/Hộp	20
527	25.12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBcAb	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm HBcAb Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	1x2x1,5 mL/Hộp	20
528	25.13	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm	Sử dụng để hút mẫu bệnh phẩm Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	10x96 tips/Hộp	40
529	25.14	Dung dịch cơ chất	Cơ chất tham gia phản ứng tạo tín hiệu sáng với phức hợp kháng nguyên - kháng thể có gắn men enzyme Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	6x50 mL/Hộp	80
530	25.15	Dung dịch pha loãng bệnh phẩm	Dùng để pha loãng mẫu Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	4x80 mL/Hộp	80
531	25.16	Dung dịch rửa hệ thống	Dùng trong bước rửa trong phương pháp miễn dịch enzyme hóa phát quang Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	1x1000 mL	40
	LÔ 26 - HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM BẰNG PHƯƠNG PHÁP ELISA					
532	26.1	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Fasciola	Dùng để định tính kháng thể gG kháng kháng nguyên Fasciola trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880

533	26.2	Hóa chất định tính kháng thể IgG Toxocara	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Toxocara trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	14.400
534	26.3	Hóa chất định tính kháng thể IgG Strongyloides	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Strongyloides trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
535	26.4	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma spinigerum	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng giun đầu gai (Gnathostoma spinigerum) trong mẫu huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
536	26.5	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng Echinococcus. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
537	26.6	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Trichinella	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Trichinella trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
538	26.7	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Cysticercosis	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Cysticercosis IgG (T.Solium) trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
539	26.8	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Schistosoma trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
540	26.9	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Entamoeba histolytica	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên E. Histolytica trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA.Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
541	26.10	Hóa chất định tính kháng thể IgG kháng Ascaris	Dùng để định tính kháng thể IgG kháng kháng nguyên Ascaris trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
542	26.11	Hóa chất xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán lá phổi (Anti Paragonimus (lung fluke) IgG)	Bán định lượng kháng thể IgG kháng Paragonimus trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880
543	26.12	Hóa chất xét nghiệm kháng thể IgG kháng sán lá gan nhỏ (Clonorchis sinensis IgG)	Bán định lượng kháng thể IgG kháng Clonorchis trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA. Bao gồm N-Control, P-Control; Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	2.880

544	26.13	Hóa chất định lượng kháng thể IgG kháng Helicobacter	Dùng để định lượng và định tính phát hiện các kháng thể IgG kháng Helicobacter pylori trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	1.536
545	26.14	Hóa chất định lượng kháng thể IgM kháng Helicobacter	Dùng để định lượng và định tính phát hiện các kháng thể IgM kháng Helicobacter pylori trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	1.536
546	26.15	Hóa chất loại bỏ yếu tố viên khớp dạng thấp IgM	được dùng để loại bỏ các yếu tố viêm khớp dạng thấp RF IgM trong huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tuỷ (CSF) Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lọ	20 ml/Lọ	40
547	26.16	Đầu col tiệt trùng 1100µl	Có thể tích hút tối đa 1100 µl, là đầu côn hút hóa chất và mẫu dành cho các máy xét nghiệm ELISA tự động hoàn toàn, có thể hút được các thể tích nhỏ nhất và không gây nhiễm chéo. Lớp trong đầu côn có phủ tỉnh điện giúp nhận biết mức chất lỏng. kết cấu bằng nhựa PP – Polypropylene, chiều dài 97.0 mm, Đồng tâm: ≤ 1.5 Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Tip	960 tip/Hộp	9.600
548	26.17	Đầu col tiệt trùng 300µl	Có thể tích hút tối đa 300 µl, là đầu côn hút hóa chất và mẫu dành cho các máy xét nghiệm ELISA tự động hoàn toàn, có thể hút được các thể tích nhỏ nhất và không gây nhiễm chéo. Lớp trong đầu côn có phủ tỉnh điện giúp nhận biết mức chất lỏng. kết cấu bằng nhựa PP – Polypropylene, chiều dài 55.0 mm, Đồng tâm: ≤ 1.5, Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Tip	960 tip/Hộp	38.400
549	26.18	Bộ xét nghiệm định lượng/định tính kháng thể IgM kháng vi rút Measles	Xét nghiệm Masern/Measles Virus IgM là các xét nghiệm miễn dịch định lượng và định tính để phát hiện kháng thể của người trong huyết thanh hoặc huyết tương kháng lại virus sởi (Measles Virus). Loại mẫu: huyết thanh, huyết tương Thời gian ủ: 60/30/30 phút Độ nhạy: >= 98% Độ đặc hiệu: >= 99% Độ tái lặp: CV = <10% Không bị ảnh hưởng bởi các nồng độ lên đến 2.00 g/L hemoglobin, 11.50 g/L lipemia/triglyceride hoặc 0.201 g/L bilirubin Tiêu chuẩn chất lượng: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	96 test/hộp	5.760
	LÔ 27 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM REAL-TIME RT PCR (LAO)					
550	27.1	Bộ kit xét nghiệm vi khuẩn Lao bằng phương pháp sinh học phân tử	_ Bộ kit xét nghiệm đảm bảo cho việc xét nghiệm tự động hóa hoàn toàn để khuếch đại và phát hiện dựa trên cơ sở di truyền cấp độ phân tử ARN hoặc AND của vi khuẩn Lao ≤ 40 phút, và không biến nhiệt. Xử lý đa dạng mẫu có vi khuẩn lao: Đờm,dịch dạ dày, dịch rửa phế quản, dịch màng phổi, mô, máu, nước tiểu, phân, dịch phúc mạc... Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	24 test/hộp hoặc 24ml/lọ (tương đương 120 test)	960

	LÔ 28 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH LƯỢNG (LAO; HBV; HCV; HIV) BẰNG KỸ THUẬT PCR					
551	28.1	Bộ xét nghiệm xét nghiệm định lượng DNA HBV	Được sử dụng để định lượng DNA của Virus Viêm gan B (HBV) trên máy PCR tự động - Tích hợp tối thiểu 2 chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm để định lượng DNA của virus HBV và kiểm soát có chất ức chế phản ứng PCR. - Tích hợp tách chiết mẫu tự động trong bộ hóa chất xét nghiệm - Vùng gene đích: HBV DNA genotypes A-H - Loại mẫu: tối thiểu gồm huyết thanh hoặc huyết tương có chất chống đông EDTA - Thời gian trả kết quả: tối đa ≤ 65 phút - Dải tuyến tính: tối thiểu ≤ 10 IU/mL, tối đa ≥ 1,000,000,000 IU/mL - Giới hạn định lượng dưới: 10 IU/ml - Độ đặc hiệu: ≥99% Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm liên minh châu Âu (EU)	Test	10 tests/hộp	2.000
552	28.2	Bộ xét nghiệm xét nghiệm định tính và định lượng RNA HCV	Được sử dụng để định lượng nhanh RNA của Virus Viêm gan C (HCV) trên máy PCR tự động - Tích hợp chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR để định lượng RNA của virus HCV và kiểm soát sự có mặt của chất ức chế trong phản ứng RT và PCR - Tích hợp tách chiết mẫu tự động trong bộ hóa chất xét nghiệm. - Vùng gene đích: HCV RNA genotypes 1-6 - Loại mẫu: tối thiểu gồm mẫu huyết thanh hoặc huyết tương có chất chống đông EDTA - Thời gian trả kết quả: tối đa ≤ 105 phút - Dải tuyến tính: tối thiểu ≤ 10 IU/mL, tối đa ≥ 100,000,000 IU/mL - Giới hạn định lượng dưới: 10 IU/ml - Độ đặc hiệu: ≥ 99% Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm liên minh châu Âu (EU)	Test	10 tests/hộp	2.000

553	28.3	Bộ xét nghiệm bán định lượng DNA phức hợp vi khuẩn lao và phát hiện kháng Rifampin	Được sử dụng để phát hiện đồng thời DNA của vi khuẩn lao và vi khuẩn lao kháng Rifampicin trên máy PCR tự động. - Xét nghiệm nằm trong Hướng dẫn Chẩn đoán, điều trị và dự phòng bệnh Lao hoặc các văn bản hướng dẫn tương đương của Bộ Y tế - Tích hợp chất chứng trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR để kiểm soát quá trình phản ứng - Vùng gene đích: rpoB gene; IS6110 & IS1081 - Loại mẫu: tối thiểu gồm mẫu đờm hoặc cặn đờm - Thời gian trả kết quả: + tối đa ≤ 70 phút cho mẫu âm tính + tối đa ≤ 80 phút cho mẫu dương tính - Độ nhạy: tối thiểu ≥ 99 % (so với mẫu soi kính dương tính/nuôi cấy dương tính) - Độ đặc hiệu: tối thiểu ≥ 95% Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm liên minh châu Âu (EU)	Test	10 tests/hộp	6.000
554	28.4	Bộ xét nghiệm định lượng RNA HIV-1	- Chủng loại: Hóa chất xét nghiệm - Được sử dụng để định lượng RNA của virus HIV-1 trên máy PCR tự động - Tích hợp chất chứng nội trong bộ hóa chất xét nghiệm PCR - Tích hợp tách chiết mẫu tự động trong bộ hóa chất xét nghiệm. - Vùng gene đích: bao gồm trong vùng LTR và bổ sung POL (gen polymerase) - Loại mẫu: tối thiểu gồm mẫu huyết tương có chất chống đông EDTA - Thời gian trả kết quả: tối đa ≤ 95 phút - Dải động: tối thiểu ≤ 40 cp/ml, tối đa ≥ 10,000,000 cp/ml - Độ đặc hiệu: ≥ 99% Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm liên minh châu Âu (EU)	Test	10 tests/hộp	2.000
	LÔ 29 - HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM ĐỊNH DANH KHÁNG SINH ĐỒ					
555	29.1	Hóa chất định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	-Dùng để xác định và xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) trong ống nghiệm đối với vi khuẩn gram âm hiếu khí và kỵ khí tùy ý. -Thành phần: đĩa ID/AST, canh thang ID, canh thang AST, dung dịch chỉ thị. - Đĩa bao gồm: 120 giếng, chứa cơ chất và nồng độ kháng sinh giảm dần.	Test	10 test/hộp 20 test/ hộp 50 test/hộp	6.000
556	29.2	Hóa chất định danh và kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	-Dùng để xác định và xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) trong ống nghiệm đối với vi khuẩn gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy ý. '-Thành phần: đĩa AST, , canh thang AST, dung dịch chỉ thị. '- Đĩa bao gồm: 120 giếng, chứa cơ chất và nồng độ kháng sinh giảm dần.	Test	10 tests/20 tests/50 tests	1.000
557	29.3	Hóa chất định danh và kháng sinh đồ vi nấm	- Dùng để định danh nhanh và xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) hầu hết các loại nấm men. - Thành phần: đĩa ID/AST, canh thang ID, canh thang AST, dung dịch chỉ thị. - Đĩa bao gồm: 120 giếng, chứa cơ chất và nồng độ kháng sinh giảm dần.	Test	10 tests/20 tests/50 tests	1.000
558	29.4	Hóa chất xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn gram dương	-Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm kháng sinh của các loại vi khuẩn Gram dương hiếu khí và kỵ khí tùy ý. Thành phần: Đĩa AST, Canh thang AST, Dung dịch chỉ thị. - Đĩa gồm 120 giếng: chứng dương, nồng độ kháng sinh giảm dần.	Test	10 tests/20 tests/50 tests	1.000

559	29.5	Hóa chất xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn không lên men	-Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm kháng sinh của các loại vi khuẩn không lên men. Thành phần: Đĩa AST, Canh thang AST, Dung dịch chỉ thị. - Đĩa gồm 120 giếng: chứng dương, nồng độ kháng sinh giảm dần.	Test	10 tests/20 tests/50 tests	2.000
560	29.6	Hóa chất xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Enterobacteriaceae AST	-Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn từ nuôi cấy thuần chủng Enterobacteriaceae. Thành phần: Đĩa AST, Canh thang AST, Dung dịch chỉ thị. - Đĩa gồm 120 giếng: chứng dương, nồng độ kháng sinh giảm dần.	Test	10 tests/20 tests/50 tests	1.000
561	29.7	Hóa chất xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn Streptococcus	-Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của vi khuẩn từ nuôi cấy thuần chủng Steptococus Thành phần: Đĩa ID/AST, Canh thang AST, Dung dịch pha loãng ID, Dung dịch chỉ thị. Đĩa gồm 120 giếng: chứng dương, nồng độ kháng sinh giảm dần.	Test	10 tests/20 tests/50 tests	600
562	29.8	Hóa chất xét nghiệm tính nhạy cảm với kháng sinh của nấm	-Dùng để thử nghiệm độ nhạy cảm với kháng sinh của nấm Thành phần: Đĩa AST, Canh thang AST, Dung dịch chỉ thị. - Đĩa gồm 120 giếng: chứng dương, nồng độ kháng sinh giảm dần.	Test	10 tests/20 tests/50 tests	1.000
563	29.9	Đầu típ	Sử dụng với hệ thống định danh và kháng sinh đồ	Túi	Túi 30 cái	14
	LÔ 30. ĐỊNH DANH NHANH VI KHUẨN BẰNG PHƯƠNG PHÁP KHỐI PHỔ TỰ ĐỘNG					
564	30.1	Hóa chất tiền xử lý mẫu	Mục đích: được sử dụng để tiền xử lý vi khuẩn và nấm trong xét nghiệm định danh nhanh theo phương pháp khối phổ	Hộp	100 test/hộp	164
565	30.2	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho AUTOF MS	Mục đích: được dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định danh nhanh trên hệ thống định danh nhanh theo phương pháp khối phổ. Sử dụng với thuốc thử tiền xử lý mẫu cùng hãng sản xuất.	Hộp	80 test/hộp	6
566	30.3	Dung dịch nền CHCA dùng cho AUTOF MS	Mục đích: dung dịch chất nền được sử dụng trong xét nghiệm định danh nhanh trên hệ thống định danh nhanh theo phương pháp khối phổ.	lọ	0.5mL*4 lọ	10
567	30.4	Hóa chất tiền xử lý mẫu cấy máu dương tính	Mục đích: được dùng để tiền xử lý mẫu cấy máu dương tính trong xét nghiệm định danh nhanh trên hệ thống định danh nhanh theo phương pháp khối phổ	Hộp	60 test/hộp	100
568	30.5	Giá đỡ đĩa mục tiêu 24	Mục đích: được dùng để nhận mẫu bề mặt được xử lý đặc biệt có chức năng lấy nét vĩ mô trong xét nghiệm định danh nhanh trên hệ thống định danh nhanh theo phương pháp khối phổ. Sử dụng với đĩa mục tiêu cùng hãng sản xuất.	Cái	3 cái/hộp	4
569	30.6	Đĩa mục tiêu 24	Mục đích: được dùng để nhận mẫu bề mặt được xử lý đặc biệt có chức năng lấy nét vĩ mô trong xét nghiệm định danh nhanh trên hệ thống định danh nhanh theo phương pháp khối phổ. Sử dụng với giá đỡ đĩa mục tiêu cùng hãng sản xuất	Cái	10 cái/hộp	700
570	Lô 31	Thạch máu BA (Blood Agar)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy phân biệt. Phân biệt các kiểu hình tiêu huyết (α, ß, γ). Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm đường hô hấp, quệt hầu họng, mủ - dịch tiết … Cảm quan: Màu sắc: đỏ máu; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Khả năng phân lập, nuôi cấy: - S.pneumoniae ATCC 49619: Mọc tốt, tiêu huyết α - S. pyogenes ATCC 19615 : Mọc tốt, tiêu huyết β - E. faecalis ATCC 29212 : Mọc tốt, không tiêu huyết	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	16.000

571	Lô 32	Thạch Chrom UTI Agar	Đĩa thạch dùng sẵn chứa môi trường tạo màu nhằm chẩn đoán nhận biết và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm. Môi trường tươi mới, thể tích 25mL, dày 5mm, đồng nhất, không đọng nước, không có bọt, không bị nhiễm.... Đóng gói chân không bằng màng bán thấm Cellophane từ cellulose giúp chống ẩm, ngăn đọng nước, giữ chất lượng và thân thiện với môi trường.	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	12.000
572	Lô 33	Mac Conkey Agar (MC)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc và phân biệt khả năng lên men lactose của trực khuẩn Gram âm, dễ mọc. Áp dụng nuôi cấy phân lập tác nhân nhiễm trùng từ các bệnh phẩm khác nhau. Cảm quan: Màu sắc: màu tím nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Khả năng phân lập , nuôi cấy: - E.coli ATCC 25922 : Mọc tốt , khuẩn lạc màu hồng đỏ - S. flexneri ATCC 12022 : Mọc tốt , khuẩn lạc màu trắng - S.aureus ATCC 25923 : Mọc yếu đến không mọc	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	16.000
573	Lô 34	Mueller Hinton Agar (MHA)	Công dụng: Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh hoặc bằng que MIC trên vi khuẩn dễ mọc. Đĩa thạch vuông có kích thước 120 × 120mm thực hiện kháng sinh đồ cho 16 đĩa kháng sinh hoặc 4 que MIC. Cảm quan: Màu sắc: màu trắng nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane.	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	5.000
574	Lô 35	Mannitol Salt Agar (MSA)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc staphylococcus. Phân biệt S. aureus và S. epidermidis dựa trên khả năng lên men mannitol. Cảm quan: Màu sắc: đỏ nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Khả năng phân lập, nuôi cấy: - S.aureus ATCC 25923 : Mọc tốt, khuẩn lạc vàng - S. epidermidis ATCC 12228 : Mọc tốt, khuẩn lạc đỏ - E.coli ATCC 25922 : Mọc yếu đến không mọc	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	5.000

575	Lô 36	Sabouraud Dextrose Agar có Chloramphenicol (SAB Cl 90mm)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc vi nấm. Áp dụng phân lập vi nấm từ các bệnh phẩm. Cảm quan: Màu sắc: trắng ngà; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Khả năng phân lập, nuôi cấy: - C. albicans ATCC 10231: Mọc tốt - A. brasiliensis ATCC 16404: Mọc tốt - E.coli ATCC 25922: Mọc yếu đến không mọc	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	8.000
576	Lô 37	Chocolate Agar + MultiVitox	Môi trường dùng sẵn giàu dinh dưỡng được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria và Haemophilus. Đĩa 90mm. Môi trường tươi mới, thể tích 25mL, dày 5mm, đồng nhất, không đọng nước, không có bọt, không bị nhiễm.... Đóng gói chân không bằng màng bán thấm Cellophane từ cellulose giúp chống ẩm, ngăn đọng nước, giữ chất lượng và thân thiện với môi trường.	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	1.000
577	Lô 38	Thạch nâu (CAXV 90mm)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy không chọn lọc vi khuẩn khó mọc. Áp dụng phân lập tác nhân nhiễm trùng từ dịch não tủy hoặc các bệnh phẩm vô trùng khác. Cảm quan: Màu sắc: màu nâu; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Khả năng phân lập và nuôi cấy: - H.influenzae ATCC49766 : Mọc tốt - N. meningitidis ATCC 13090 : Mọc tốt - S. pneumoniae ATCC 49619 : Mọc tốt	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	4.000
578	Lô 39	Thạch nâu (CAHI)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Thạch nâu có bổ sung bacitracin nuôi cấy chọn lọc Haemophilus influenzae. Áp dụng nuôi cấy phân lập bệnh phẩm đường hô hấp. Cảm quan: Màu sắc: màu nâu; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Khả năng phân lập , nuôi cấy: - H.influenzae ATCC 49766 : Mọc tốt - N. meningitidis ATCC 13090 : Mọc yếu đến không mọc - S. pneumoniae ATCC 49619 : Mọc yếu đến không mọc	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	1.000

579	Lô 40	Thạch Samonella - Shighella (SS)	Môi trường đổ sẵn trên đĩa petri Φ 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane. Công dụng: Môi trường nuôi cấy chọn lọc Salmonella và Shigella. Áp dụng nuôi cấy mẫu phân. Cảm quan: Màu sắc: cam nhạt; Độ dày 5mm; Độ láng: láng, không bọt; Độ đồng nhất: đồng nhất và không phân lớp Khả năng phân lập và nuôi cấy: - S. flexneri ATCC 12022 : Mọc tốt ,khuẩn lạc trắng. - E.coli ATCC 25922 : Mọc yếu đến không mọc	Đĩa	Hộp/ 10 đĩa	1.400
580	Lô 41	Bộ nhuộm Gram	Thuốc nhuộm được chứa trong chai làm từ nhựa PP (Polypropylene). Chai 100mL đựng trong chai có dung tích 125mL, kích thước 100 × 60mm. Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Thành phần gồm 04 loại dung dịch là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine. Cảm quan: Các dung dịch nhuộm được chứa trong các chai còn nguyên vòng niêm phong	Bộ	Bộ/ 4 chai 500ml	40
581	Lô 42	Môi trường BHI (Brain Heart Infusion)	Tăng sinh không chọn lọc tất cả các vi khuẩn, ngoại trừ H. influenzae. Môi trường được chứa trong lọ thủy tinh nắp vặn có dung tích 3mL, kích thước 40 × 16mm.	Lọ	Hộp/ 10 lọ	8.000
582	Lô 43	Huyết tương thỏ khô	Thử nghiệm coagulase dùng để phân biệt S. aureus với các vi khuẩn Coagulase negative staphylococcus (như S. epidermidis, S. saprophyticus…). Coagulase (hay còn gọi là staphylocoagulase) là một enzyme do S. aureus tiết ra ngoại bào và có vai trò trong sự đông kết, bằng cách tác động lên một vài hợp phần có trong huyết tương để tạo thành khối đông. Được chứa trong lọ thủy tinh nút cao su có đóng nắp nhôm. Thành phần là huyết tương thỏ kháng đông với EDTA và được đông khô.	Lọ	Hộp/ 10 lọ	200
583	Lô 44	Đĩa giấy kháng sinh các loại	Đĩa kháng sinh được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Đĩa kháng sinh được dùng thực hiện thử nghiệm kháng sinh đồ theo phương pháp khuếch tán kháng sinh trong thạch. Thực hiện kháng sinh đồ bằng đĩa kháng sinh và dựa vào đường kính vòng vô khuẩn để biện luận vi khuẩn đề kháng, trung gian, nhạy cảm theo tiêu chuẩn CLSI hoặc EUCAST.	Lọ	Lọ/ 50 đĩa	1.000
584	Lô 45	Bộ định danh trực khuẩn Gram âm	Hệ thống gồm 14 thử nghiệm sinh hóa dùng để thực hiện định danh trực khuẩn Gram âm, dễ mọc (Enterobacteriaceae, non Enterobacteriaceae, Vibrio). Thực hiện thử nghiệm sinh hóa bằng bộ định danh IDS 14 GNR. Dựa trên kết quả thử nghiệm sinh hóa để xác định điểm số, tra cứu điểm số vào hệ thống mã số để định danh vi khuẩn.	Bộ	Bộ/ 20 mẫu	6
585	Lô 46	Môi trường di động	Lọ thủy tinh 3mL nắp vặn có kích thước 40 × 16mm. Phát hiện khả năng di động của vi khuẩn.	Lọ/ống	Hộp/ 10 lọ/ống	300
586	Lô 47	Đĩa giấy Oxidase	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm thực hiện thử nghiệm Oxidase.	Lọ	Lọ/ 20 đĩa	10
587	Lô 48	Đĩa giấy Optochin	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Optochin để phân biệt S. pneumoniae với Viridans streptococcus.	Lọ	Lọ/ 20 đĩa	10

588	Lô 49	Đĩa giấy Bacitracin	Đĩa giấy sinh hóa được chứa trong lọ thủy tinh màu với nút cao su và nắp nhôm (phía trên nút cao su). Kích thước lọ 50 × 21mm, phía đáy lọ có chứa chất chống ẩm. Dùng để thực hiện thử nghiệm nhạy cảm Bacitracin để phân biệt S. pyogenes (Group A) với S. agalactiae (Group B).	Lọ	Lọ/ 20 đĩa	10
589	Lô 50	BHI glycerol 20%	Đựng trong tube eppendorf dung tích 1,5ml. Môi trường có dạng lỏng. Dùng để bảo quản và lưu giữ vi khuẩn trong điều kiện nhiệt độ âm. Thời gian bảo quản chủng vi khuẩn tùy thuộc và ngưỡng nhiệt độ bảo quản: - 20 độ C (1 năm); -30 độ C (2 năm); -70 độ C (10 năm).	Tube	Hộp/ 20 tube	4.000
590	Lô 51	Bile Esculin Agar	Lọ thủy tinh 3mL nắp vặn có kích thước 40 × 16mm. Thực hiện thử nghiệm thủy giải esculin với sự hiện diện của 40% bile, dùng phân biệt Group D streptococcus với các streptococcus khác	Lọ	Hộp/ 10 lọ	100
591	Lô 52	Nước muối sinh lý (NS 0.85%)	Lọ thủy tinh chứa 3ml môi trường, nắp vặn có kích thước 40 × 16mm. Chuẩn bị huyền dịch vi sinh cho thử nghiệm định danh hoặc kháng sinh đồ.	Lọ/ống	Hộp/ 10 lọ/ống	2.000
592	Lô 53	Alcohol tuyệt đối để nhuộm gram 500ml	Chai nhựa chứa 500ml Alcohol. Thành phần của Bộ Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi, phân biệt vi khuẩn Gram âm và Gram dương. Dung dịch thuốc nhuộm đồng nhất, màu sắc ổn định, không cặn, không kết tủa, đảm bảo chất lượng nhuộm vi sinh. - Thành phần: Alcohol 96%	Chai	Chai 500ml	30
593	Lô 54	Carbon Fuchsin	Chai nhựa chứa 500mlCarbon Fuchsin. Thành phần của Bộ Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi vi khuẩn kháng acid Mycobacteria từ mẫu nuôi cấy hoặc bệnh phẩm. Dung dịch thuốc nhuộm đồng nhất, màu sắc ổn định, không cặn, không kết tủa, đảm bảo chất lượng nhuộm vi sinh.	Chai	Chai/ 500ml	200
594	Lô 55	Methylen blue	Chai nhựa chứa 500ml Methylen blue. Thành phần của Bộ Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi vi khuẩn kháng acid Mycobacteria từ mẫu nuôi cấy hoặc bệnh phẩm. Dung dịch thuốc nhuộm đồng nhất, màu sắc ổn định, không cặn, không kết tủa, đảm bảo chất lượng nhuộm vi sinh	Chai	Chai/ 500ml	200
595	Lô 56	Alcohol acid	Chai nhựa chứa 500ml Alcohol acid. Thành phần của Bộ Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi vi khuẩn kháng acid Mycobacteria từ mẫu nuôi cấy hoặc bệnh phẩm. Dung dịch thuốc nhuộm đồng nhất, màu sắc ổn định, không cặn, không kết tủa, đảm bảo chất lượng nhuộm vi sinh.	Chai	Chai/ 500ml	600
596	Lô 57	Crystal Violet	Chai nhựa chứa 500ml Crystal Violet. Thành phần của Bộ Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi, phân biệt vi khuẩn Gram âm và Gram dương. Dung dịch thuốc nhuộm đồng nhất, màu sắc ổn định, không cặn, không kết tủa, đảm bảo chất lượng nhuộm vi sinh.	Chai	Chai/ 500ml	70
597	Lô 58	Lugol	Chai nhựa chứa 500ml Lugol. Thành phần của Bộ Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi, phân biệt vi khuẩn Gram âm và Gram dương. Dung dịch thuốc nhuộm đồng nhất, màu sắc ổn định, không cặn, không kết tủa, đảm bảo chất lượng nhuộm vi sinh.	Chai	Chai/ 500ml	130
598	Lô 59	Safranine	Chai nhựa chứa 500ml Safranine. Thành phần của Bộ Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi, phân biệt vi khuẩn Gram âm và Gram dương. Dung dịch thuốc nhuộm đồng nhất, màu sắc ổn định, không cặn, không kết tủa, đảm bảo chất lượng nhuộm vi sinh.	Chai	Chai/ 500ml	70
599	Lô 60	Dung dịch làm tan đàm	NALC 10 mẫu (N-acetyl-L-cystein), dung dịch pha loãng đàm	Bịch	Bịch 10 mẫu	40

600	Lô 61	Col lọc 10ul	Đầu tip có màng lọc hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cấy hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): 46mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 0,5-10ul - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit	Cái	Hộp 96 cái	96.000
601	Lô 62	Col lọc 200ul	Đầu tip có màng lọc hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cấy hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): 50mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 100-200ul - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit	Cái	Hộp 96 cái	96.000
602	Lô 63	Col lọc 1000ul	Đầu tip có màng lọc hút vô trùng một thể tích chính xác mầm cấy hay bệnh phẩm. Thích hợp cho xét nghiệm vi sinh hay sinh học phân tử - Chiều dài (sai số cho phép +/-5%): 73mm - Thể tích hút (sai số cho phép +/-5%): 200-1000ul - Chất liệu nhựa PP (Polypropylene) - Độ vô trùng: 100%. Vô trùng bằng Ethylen Oxit - Hạn sử dụng: tối thiểu 3 năm kể từ ngày sản xuất	Cái	Hộp 96 cái	96.000
603	Lô 64	Pylori test	Được dùng để phát hiện và định danh nhanh Helicobacter pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày hoặc trên môi trường nuôi cấy. Đặc trưng của H. pylori là có khả năng sinh ra men urease tác dụng phân hủy rất nhanh urea thành hydroxid amonium và làm kiềm hóa môi trường và được nhận diện nhờ chất chỉ thị pH. Nếu có vi khuẩn H. pylori sẽ làm cho mẫu thử có màu đỏ cánh sen trong vòng 1 giờ (đối với bệnh phẩm nội soi dạ dày) và trong vòng 1 phút (vi khuẩn trên môi trường nuôi cấy). Là môi trường chuyên biệt dạng gel dùng để phát hiện nhanh vi khuẩn H. pylori và được chứa trong giếng của một bảng nhựa. Mỗi bảng nhựa tương đương với một thử nghiệm được dùng cho một bệnh phẩm hoặc mẫu thử. Bảng nhựa được làm bằng PS, màu trắng trong, Bảng nhựa có kích thước bề mặt 50×20mm. Chiều cao của bảng nhựa 15mm. Ngay giữa bảng nhựa có giếng với đường kính 6mm và chiều cao của giếng 10mm	Test	Hộp/ 20 test	30.000

604	Lô 65	Test xét nghiệm định tính bao gồm: Amphetamin, Marijuana (THC), Morphin, Codein và Heroin	Test thử nhanh phát hiện 5 chất gây nghiện (AMP/THC/MOP/COD/Heroin) trong nước tiểu ở người - Ngưỡng phát hiện: + MOP: 300 ng/ml; + HER: 10 ng/ml; + COD: 300 ng/ml; + AMP: 300 ng/ml; + THC: 50 ng/ml. - Độ nhạy ≥ 99%, độ đặc hiệu ≥ 99%, độ chính xác ≥ 99% so với phương pháp sắc ký khí/ khối phổ (GC/MS) trên 250 mẫu nước tiểu. - Tỉ trọng nước tiểu từ 1.000 - 1.045 không làm ảnh hưởng kết quả xét nghiệm. - Cốc đựng nước tiểu bằng nhựa trong suốt để dễ dàng quan sát mực nước tiểu trong quá trình làm xét nghiệm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: EC - Xuất sứ: các nước thuộc ngóm G20	Test	25 Test/Hộp	30.000
605	Lô 66	Test nhanh Dengue IgG/IgM	Dùng để định tính phát hiện kháng thể Dengue IgG và IgM, dựa trên nguyên lý miễn dịch sắc ký được - Sử dụng được với cả 3 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. - Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, Albumin. - Không có phản ứng chéo với: Virus SeroDetect West Nile, Virus Sốt Vàng, Virus Chikungunya, Virus Viêm não Nhật Bản, Virus viêm não do ve, Virus Zika. - DENGUE IgM: Độ nhạy tương đối ≥ 97%, Độ đặc hiệu tương đối ≥ 97% so với phương pháp xét nghiệm ELISA. - DENGUE IgG: Độ nhạy tương đối ≥ 98%, Độ đặc hiệu tương đối ≥ 97% so với phương pháp xét nghiệm ELISA. - Thể tích mẫu sử dụng: 5µL huyết thanh/huyết tương hoặc 10µL máu toàn phần. - Đọc kết quả từ 15~20 phút. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	25 Test/Hộp	6.000

606	Lô 67	Test nhanh xét nghiệm Dengue NS1	Dùng để định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1, dựa trên nguyên lý miễn dịch sắc ký - Sử dụng được với cả 3 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. - Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Lipid, Triglyceride, Bilirubin, Albumin, D-glucose, L-Ascorbic acid, mẫu chứa yếu tố dạng thấp. - Không phản ứng chéo với virus khác do muỗi truyền như: Virus Sốt Vàng, Virus viêm não Nhật Bản, sốt rét do Plasmodium falciparum và Plasmodium vivax, Virus SeroDetect West Nile, Virus Chikungunya, Virus Mayaro, Virus Zika. - Độ nhạy tương đối ≥ 95%, Độ đặc hiệu tương đối ≥ 98% so với RT-PCR. - Không cần sử dụng dung dịch đệm. - Thể tích mẫu sử dụng: ~100µL huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần - Đọc kết quả từ 15~20 phút. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	25 Test/Hộp	30.000
607	Lô 68	Test nhanh xét nghiệm Helicobacter Pylor	Dùng để định tính phát hiện tất cả kháng thể H.Pylori ở người, dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được - Sử dụng loại mẫu: huyết thanh, huyết tương của người. - Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, Albumin. - Không có phản ứng chéo với các vi sinh vật khác như: Candida albicans, Escherichia coli, Borrelia burgdorferi, Clostridium spp., Campylobacter, Bacillus Cereus, Enterobacter, Pseudomonas, Haemophilus Influenza, Proteus. - Độ nhạy ≥ 95%, Độ đặc hiệu: ≥ 99% so với phương pháp xét nghiệm ELISA. - Có tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất công bố phát hiện hiệu quả tất cả các lớp kháng thể IgA, IgG, IgM của vi khuẩn H.Pylori ở người. - Dạng khay (Cassette). - Thể tích mẫu sử dụng: 10µL huyết thanh hoặc huyết tương. - Đọc kết quả từ 15~20 phút. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	30 test/ Hộp	10.000
608	Lô 69	Test nhanh xét nghiệm HBsAg	Định tính phát hiện kháng nguyên HBsAg dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được dùng để định tính phát hiện kháng nguyên bề mặt vi rút viêm gan B (HBsAg) - Sử dụng được với cả 3 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. - Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, L-Ascorbic acid, Ampicillin, Acetaminophen, Aspirin. - Không phản ứng chéo với: HAV, HSV, EBV, CMV, Rubella, Quai bị. - Độ nhạy tương đối ≥ 99%, Độ đặc hiệu tương đối: ≥ 99% so với phương pháp xét nghiệm Miễn dịch hóa phát quang (CMIA). - Không cần sử dụng dung dịch đệm. - Dạng khay (Cassette). - Đọc kết quả từ 15~20 phút. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	25 Test/Hộp	18.000

609	Lô 70	Test nhanh xét nghiệm HCV	Dùng để định tính phát hiện kháng thể kháng vi rút Viêm gan C (HCV), dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được - Sử dụng được với cả 3 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. - Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, L-Ascorbic acid, Ampicillin, Acetaminophen, Aspirin. - Không phản ứng chéo với: Dengue, HBV, HIV, Syphilis. - Độ nhạy tương đối ≥ 99%, Độ đặc hiệu tương đối ≥ 99% so với phương pháp xét nghiệm Miễn dịch Điện hóa phát quang (ECLIA). - Có tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất công bố không phản ứng chéo với Mẫu bệnh phẩm của phụ nữ mang thai, mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân chạy thận. - Dạng khay (Cassette). - Đọc kết quả từ 10~15 phút. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	25 Test/Hộp	10.000
610	Lô 71	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV - Sinh phẩm 1	Độ nhạy ≥ 99% , độ đặc hiệu ≥ 99%, - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, - Không cần dung dịch dịch đệm cho mẫu huyết thanh, huyết tương . - Được ban hành trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương - Đạt tiêu chuẩn WHO-PQ Thành phần chính: Anti- HIV-1 Antibody, Anti-HIV-2 Antibody, HIV-1 Group O (pGO9-CKS/XL-1), Antigen hiv-2 (PjC100), HIV-1 (pOM10/PV361) Antigen, HIV-1 (pTB319/XL-1) Antigen, HIV-2 (peptide) Antigen, HIV-1/2 Peptide- BSA - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Test	100 test/ Hộp	16.000
611	Lô 72	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV - Sinh phẩm 2	Dùng để định tính phát hiện tất cả kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2, dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch được. - Sử dụng được với cả 3 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. - Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, L-Ascorbic acid, Ampicillin, Acetaminophen, Aspirin. - Có tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất công bố không phản ứng chéo với: Mẫu bệnh phẩm của phụ nữ mang thai, mẫu bệnh phẩm dương tính với thấp khớp, mẫu bệnh phẩm của bệnh nhân chạy thận. - Độ nhạy tương đối ≥ 99%, Độ đặc hiệu tương đối ≥ 99% so với phương pháp xét nghiệm Miễn dịch Điện hóa phát quang (ECLIA). - Kết quả xét nghiệm được phân biệt rõ ràng bằng 3 vạch và phân biệt HIV-1 và HIV-2 - Dạng khay (Cassette). - Thể tích mẫu sử dụng: 10µL huyết thanh/huyết tương hoặc 20µL máu toàn phần. - Đọc kết quả từ 5~20 phút. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	100 test/ Hộp	1.000

612	Lô 73	Thanh thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HIV - Sinh phẩm 3	- Định tính phát hiện tất cả kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2. - Sử dụng được với cả 3 loại mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. - Độ nhạy tương đối ≥ 99%, Độ đặc hiệu tương đối ≥ 100% so với phương pháp xét nghiệm PCR hoặc CMIA hoặc ECLIA. - Nhạy ở giai đoạn nhiễm bệnh sớm với giới hạn phát hiện HIV-1 và HIV-2 là < 1.0 s/co. - Xuất sứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	25 Test/Hộp	1.000
613	Lô 74	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên vi rút Rota nhóm A	Định tính phát hiện và phân biệt sự có mặt của kháng nguyên Rotavirus nhóm A và Adenovirus trong mẫu phân người, Dạng khay. Độ nhạy: Rotavirus ≥ 99% ,Adenovirus ≥ 97% so với RT-PCR Độ đặc hiệu: Rotavirus ≥ 99% ,Adenovirus 100%.so với RT-PCR Không có phản ứng chéo với Vi khuẩn E.Coli, liên cầu đường ruột, virut Polio. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	20 test/ Hộp	2.000
614	Lô 75	Test nhanh xét nghiệm Syphylis	Dùng để định tính phát hiện kháng thể giang mai, dựa trên nguyên lý sắc ký miễn dịch - Sử dụng được với cả 3 loại mẫu: huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người. - Không bị gây nhiễu bởi: Hemoglobin, Cholesterol, Bilirubin, Albumin, EDTA, Citrate, Heparin. - Độ nhạy tương đối ≥ 99%, Độ đặc hiệu tương đối ≥ 99% so với phương pháp xét nghiệm ELISA. - Có tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất công bố phát hiện hiệu quả các kháng thể IgG, IgM, IgA của Syphilis. - Dạng khay (Cassette). - Đọc kết quả từ 5~20 phút. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	25 Test/Hộp	5.000
615	Lô 76	Khay thử xét nghiệm định tính máu trong phân (FOB)	Khay thử xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính máu ẩn trong phân ở người. Mẫu: phân Độ nhạy: ≥ 95% Độ đặc hiệu: ≥ 99% Độ chính xác: ≥ 98% - Xuất xứ: các nước thuộc nhóm OECD	Test	25 Test/Hộp	4.000

616	Lô 77	Que thử xét nghiệm định tính IGFBP-1 (10 xét nghiệm)	- Xét nghiệm nhanh phát hiện vỡ ối non. - Phát hiện được những vết rỉ, vỡ nhỏ nhất. - Có thể xét nghiệm ở bất kì tuổi thai nào. - Thời gian trả kết quả : 5 phút - Ngưỡng phát hiện: 25 µg/l trong mẫu chiết xuất - Kết quả không bị ảnh hưởng bởi máu toàn phần, tinh dịch, nước tiểu ở nồng độ 100%, dầu dưỡng da, dầu em bé, phấn rơm, chất khử mùi âm đạo ở nồng độ 50% - Xuất xứ: các nước thuộc liên minh Châu Âu (EU)	Test	10 test/ Hộp	1.000
617	Lô 78	Gel siêu âm	Không gây dị ứng, không gây kích ứng da, không chứa dầu, không chứa Formaldehyde và muối, không độc hại và không có mùi hôi. Gel có độ sánh vừa phải. Gel siêu âm giúp tạo môi trường thu nhận tín hiệu siêu âm, được dùng trong siêu âm. Gel không có tính chất ăn mòn, không gây hỏng đầu dò và không gây dị ứng da. Chỉ sử dụng bên ngoài.Tương thích với các máy siêu âm.	Can	Can 5 lít	500
618	Lô 79	Dung dịch lọc thận A đậm đặc	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g • Kali clorid: 67.10g • Calciclorid.2H2O: 99.24 g • Magnesi clorid.6H2O: 45.75g • Acid acetic băng: 81.00g • Glucose H2O : 494.99g • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc EU (MDR) Xuất xứ: Việt Nam	Can	Can 10 lít	20.000
619	Lô 80	Dung dịch lọc thận B đậm đặc	Can 10 lít dd đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H2O: 0.5 g • pH : 7.3 - 8.6 • Al ≤ 0.1 mg/ml trên chế phẩm chưa pha loãng • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít Tiêu chuẩn chất lượng: CE hoặc EU (MDR) Xuất xứ: Việt Nam	Can	Can 10 lít	32.000
620	Lô 81	Chương trình Ngoại kiểm Huyết Học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng trên 10 thông số công thức máu bao gồm cả thông số Plateletcrit (PCT). Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm, phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. 100% máu toàn phần có nguồn gốc từ người, Dạng dung dịch sẵn sàng sử dụng. Ổn định sau mở nắp ≥ 2 ngày. Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/3 x 2 ml	6

621	Lô 82	Chương trình Ngoại kiểm Sinh Hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số, bao gồm cả ACE (Angiotensin Converting Enzyme), D-3-Hydroxybutyrate, Fructosamine, eGFR (estimated glomerular filtration rate), GLDH và NEFA. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, nguồn gốc từ người. Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 5 ml	6
622	Lô 83	Chương trình Ngoại kiểm Miễn Dịch	Chương trình ngoại kiểm miễn dịch đáp ứng trên 48 thông số, bao gồm cả thông số Gentamicin, PTH, Free Testosterone và 1-25-(OH)2-Vitamin D. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, 100% huyết thanh người. Ổn định ≥ 2 ngày sau khi hoàn nguyên. Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 5 ml	6
623	Lô 84	Chương trình Ngoại kiểm HbA1c	Chương trình ngoại kiểm HbA1c 2 thông số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, 100% máu toàn phần, nguồn gốc từ máu người Ổn định ≥ 2 ngày sau khi hoàn nguyên. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 0.5 ml	6
624	Lô 85	Chương trình Ngoại kiểm Niệu	Chương trình ngoại kiểm Niệu đáp ứng 14 thông số tổng phân tích nước tiểu hoặc tương đương, bao gồm thông số Galactose. Chu kỳ bắt đầu từ tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng lỏng, 100% nước tiểu người. Ổn định ≥ 2 ngày sau mở nắp Tần suất phân tích: 2 tháng/lần Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/3 x 12 ml	6
625	Lô 86	Chương trình Ngoại kiểm Đông Máu	Chương trình ngoại kiểm Đông máu đáp ứng 5 thông số Đông máu cơ bản hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, 100% huyết tương người. Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 1 ml	6
626	Lô 87	Chương trình Ngoại kiểm Khí Máu	Chương trình ngoại kiểm Khí máu đáp ứng 10 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số Bicarbonate và CO2 (total). Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng lỏng Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 1.8 ml	6

627	Lô 88	Chương trình Ngoại kiểm Sàng Lọc Trước Sinh	Chương trình ngoại kiểm Sàng lọc trước sinh, đáp ứng 6 thông số hoặc tương đương. Chương trình bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, 100% huyết thanh người, Tần suất phân tích: hàng tháng Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 1 ml	6
628	Lô 89	Chương trình Ngoại kiểm Tim Mạch	Chương trình ngoại kiểm Tim mạch đáp ứng 10 thông số dấu ấn tim mạch hoặc tương đương, bao gồm cả thông số CK-MB activity và CK-MB mass. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, 100% huyết thanh người. Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 3 ml	6
629	Lô 90	Chương trình Ngoại kiểm Ammonia/ Ethanol	Chương trình ngoại kiểm Ammonia/Ethanol đáp ứng 2 thông số Ammonia và Ethanol. Có chu kỳ bắt đầu tháng 9 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng lỏng. Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	6
630	Lô 91	Chương trình Ngoại kiểm Miễn Dịch Đặc Biệt I	Chương trình miễn dịch đặc biệt 1 đáp ứng trên 9 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số 1-25-(OH)2-Vitamin D, Anti-TPO, Anti-TG, Osteocalcin và PTH. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, 100% huyết thanh người. Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	6
631	Lô 92	Chương trình Ngoại kiểm Sinh hóa Nước tiểu	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa nước tiểu đáp ứng 25 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số ACR, Amylase, Copper. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, có nguồn gốc từ mẫu trộn nước tiểu người. Tần suất phân tích: 2 tuần/lần. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Bộ/12 x 10ml	6
632	Lô 93	Chương trình Ngoại kiểm Cyfra 21-1	Chương trình ngoại kiểm Cyfra đáp ứng thông số Cyfra 21-1 (Cytokeratin 19) hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu từ tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng đông khô, có nguồn gốc từ người Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 1ml	6

633	Lô 94	Chương trình Ngoại kiểm Protein Đặc Hiệu hàng tháng	Chương trình ngoại kiểm Protein đặc hiệu đáp ứng 25 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả thông số α-1-Acid glycoprotein, α-1-Antitrypsin, α-2-Macroglobulin, Anti Streptolysin O, Complement C3, Complement C4, IgA, IgE, IgG, IgM. Có chu kỳ bắt đầu tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng lỏng, 100% huyết thanh người Ổn định ≥ 2 ngày sau mở nắp. Tần suất phân tích: hàng tháng. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 1 ml	6
634	Lô 95	Chương trình ngoại kiểm Tốc độ máu lắng	Gồm 1 thông số ESR. Có chu kỳ bắt đầu tháng 3 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn. Dạng lỏng. Tần suất phân tích: 2 mẫu/quý. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/2 x 4.5 ml	8
635	Lô 96	Nội kiểm Sinh hóa mức 2	Dạng đông khô, có nguồn gốc từ người Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày 2-8 oC hoặc ≥ 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/20 x 5 ml	12
636	Lô 97	Nội kiểm Sinh hóa mức 3	Dạng đông khô, có nguồn gốc từ người. Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày 2-8 oC hoặc ≥ 28 ngày ở -20oC. Đáp ứng trên 65 thông số hoặc tương đương, bao gồm cả D-3-Hydroxybutyrate, Folate, Bicarbonate, Bile Acids. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/20 x 5 ml	12
637	Lô 98	Nội kiểm Miễn Dịch Plus mức 1	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng trên 50 các thông số hoặc tương đương. Chứa các chất chỉ điểm ung thư trong xét nghiệm thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA. Nồng độ Ferritin và Vitamin B12 phù hợp để theo dõi tình trạng thiếu máu. Mức TSH cực thấp ở mức nồng độ 1. Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày 2-8oC hoặc ≥ 28 ngày ở -20oC. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/12 x 5ml	10
638	Lô 99	Nội kiểm Miễn Dịch Plus mức 2	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng trên 50 các thông số hoặc tương đương. Chứa các chất chỉ điểm ung thư trong xét nghiệm thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA. Nồng độ Ferritin và Vitamin B12 phù hợp để theo dõi tình trạng thiếu máu. Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày 2-8oC hoặc ≥ 28 ngày ở -20oC. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/12 x 5ml	10

639	Lô 100	Nội kiểm Miễn Dịch Plus mức 3	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng trên 50 các thông số hoặc tương đương. Chứa các chất chỉ điểm ung thư trong xét nghiệm thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA. Nồng độ Ferritin và Vitamin B12 phù hợp để theo dõi tình trạng thiếu máu. Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày 2-8oC hoặc ≥ 28 ngày ở -20oC. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/12 x 5ml	10
640	Lô 101	Nội kiểm Sàng lọc trước sinh mức 1	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 6 thông số, bao gồm cả PAPP-A và Inhibin A. Phù hợp cho sàng lọc hội chứng Down & gai đôi cột sống. Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày ở 2-8oC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	20
641	Lô 102	Nội kiểm Sàng lọc trước sinh mức 2	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 6 thông số, bao gồm cả PAPP-A và Inhibin A. Phù hợp cho sàng lọc hội chứng Down & gai đôi cột sống. Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày ở 2-8oC. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	20
642	Lô 103	Nội kiểm Sàng lọc trước sinh mức 3	Dạng đông khô. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng 6 thông số, bao gồm cả PAPP-A và Inhibin A. Phù hợp cho sàng lọc hội chứng Down & gai đôi cột sống. Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày ở 2-8oC. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	20
643	Lô 104	Nội kiểm Protein đặc hiệu mức 2	Dạng lỏng. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng trên 24 thông số, bao gồm cả thông số α-Fetoprotein (AFP), chuỗi nhẹ (lambda và kappa) dạng toàn phần. Độ bền mở nắp ≥ 30 ngày 2-8oC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	20
644	Lô 105	Nội kiểm Protein đặc hiệu mức 3	Dạng lỏng. Thành phần 100% huyết thanh người. Đáp ứng trên 24 thông số, bao gồm cả thông số α-Fetoprotein (AFP), chuỗi nhẹ (lambda và kappa) dạng toàn phần. Độ bền mở nắp ≥ 30 ngày 2-8oC. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/3 x 1 ml	20
645	Lô 106	Nội kiểm Sinh hóa nước tiểu mức 2	Dạng đông khô, thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 24 thông số, bao gồm cả thông số Copper, Dopamine, Epinephrine, Metanephrine, Norepinephrine, Normetanephrine, Oxalate,Vanilylmandelic Acid, 5-HIAA. Bảo quản 2-8oC. Độ bền mở nắp ≥ 5 ngày ở 2-8oC hoặc ≥ 14 ngày ở -20oC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/12 x 10 ml	6
646	Lô 107	Nội kiểm Sinh hóa nước tiểu mức 3	Dạng đông khô, thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 24 thông số, bao gồm cả thông số Copper, Dopamine, Epinephrine, Metanephrine, Norepinephrine, Normetanephrine, Oxalate,Vanilylmandelic Acid, 5-HIAA. Độ bền mở nắp ≥ 5 ngày ở 2-8oC hoặc 14 ngày ở -20oC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/12 x 10 ml	6

647	Lô 108	Nội kiểm khí máu mức 1	Dạng lỏng. Đáp ứng 10 thông số, bao gồm cả thông số Bicarbonate. Thích hợp sử dụng cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Độ bền mở nắp ≥ 1 phút cho thông số khí máu và ≥ 1 giờ cho ion đồ Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/30 x 1.8 ml	26
648	Lô 109	Nội kiểm khí máu mức 2	Dạng lỏng. Đáp ứng 10 thông số, bao gồm cả thông số Bicarbonate. Thích hợp sử dụng cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Độ bền mở nắp ≥ 1 phút cho thông số khí máu và ≥ 1 giờ cho ion đồ. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/30 x 1.8 ml	26
649	Lô 110	Nội kiểm khí máu mức 3	Dạng lỏng. Đáp ứng 10 thông số, bao gồm cả thông số Bicarbonate. Thích hợp sử dụng cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Độ bền mở nắp ≥ 1 phút cho thông số khí máu và ≥ 1 giờ cho ion đồ Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/30 x 1.8 ml	26
650	Lô 111	Nội kiểm đông máu mức 1	Dạng đông khô, thành phần 100% huyết tương người Đáp ứng 16 thông số, bao gồm cả Protein C, Protein S và các yếu tố đông máu II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII. Độ bền sau hoàn nguyên lên tới ≥ 24 giờ ở nhiệt độ 2-8oC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/12 x 1 ml	90
651	Lô 112	Nội kiểm đông máu mức 2	Dạng đông khô, thành phần 100% huyết tương người. Đáp ứng 16 thông số, bao gồm cả Protein C, Protein S và các yếu tố đông máu II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII. Độ bền sau hoàn nguyên ≥ 24 giờ ở nhiệt độ 2-8oC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/12 x 1 ml	90
652	Lô 113	Nội kiểm đông máu mức 3	Dạng đông khô, thành phần 100% huyết tương người. Đáp ứng 16 thông số, bao gồm cả Protein C, Protein S và các yếu tố đông máu II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII. Độ bền sau hoàn nguyên ≥ 24 giờ ở nhiệt độ 2-8oC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/12 x 1 ml	90
653	Lô 114	Nội kiểm HbA1c mức 1, 2	Dạng đông khô. 100% máu toàn phần từ người. Đáp ứng thông số HbA1c. Độ bền mở nắp ≥ 28 ngày ở nhiệt độ 2-8oC. Đóng gói với hai mức nồng độ có ý nghĩa lâm sàng Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/2 x 2 x 0.5 ml	16
654	Lô 115	Nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 1	Dạng lỏng Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Độ bền mở nắp ≥ 30 ngày ở nhiệt độ 2 - 8 độ C Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	24
655	Lô 116	Nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 2	Dạng lỏng Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Độ bền mở nắp ≥ 30 ngày ở nhiệt độ 2 - 8 độ C Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	24

656	Lô 117	Nội kiểm Ethanol/ Ammonia mức 3	Dạng lỏng. Đáp ứng xét nghiệm Ammonia và Ethanol. Độ bền mở nắp ≥ 30 ngày ở 2 - 8 độ C. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/6 x 2 ml	24
657	Lô 118	Calib Sinh hóa mức 3	Dạng đông khô, có nguồn gốc từ người. Đáp ứng 38 thông số Độ bền mở nắp ≥ 7 ngày 2-8 oC hoặc ≥ 28 ngày ở -20oC. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Hộp	Hộp/20 x 5ml	6
658	Lô 119	Nội kiểm huyết học 3 mức nồng độ	Dạng lỏng, thành phần 100% máu toàn phần từ người. Đáp ứng 45 thông số cho máy Sysmex và Mindray đo 5 thành phần bạch cầu. Độ bền mở nắp ≥ 14 ngày ở nhiệt độ 2-8oC. Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	Bộ/3 x 4.5 ml	80
659	Lô 120	Card định nhóm máu ABO/Rh gắn sẵn huyết thanh mẫu	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu Thành phần: Anti-A ; Anti-B; Anti-D Độ nhạy: Anti A: ≥ 99%; Anti B: ≥ 99%; Anti D: ≥ 99% Độ đặc hiệu: Anti A: ≥ 99%; Anti B: ≥ 99%; Anti D: ≥ 99% Tiêu chuẩn chất lượng: CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Thẻ	Hộp / 50 thẻ Thẻ / 2 test	16.800
660	Lô 121	Anti A	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-A	Lọ	Lọ 10ml	100
661	Lô 122	Anti B	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-B	Lọ	Lọ 10ml	100
662	Lô 123	Anti AB	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti -AB	Lọ	Lọ 10ml	100
663	Lô 124	Anti D	Kháng thể thuộc phân nhóm IgM. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-D	Lọ	Lọ 10ml	100
664	Lô 125	Giem sa	Dùng để phân biệt hình thái nhân và bào tương của tiểu cầu, bạch cầu và hồng cầu trong các xét nghiệm huyết học và mô học, quan sát ký sinh trùng trong máu.	Lọ	Lọ 10ml	120
665	Lô 126	Gel bôi trơn vô trùng, dùng trong nội soi, thăm khám phụ khoa	Gel bôi trơn,vô khuẩn, tan trong nước, trong suốt, không gây kích ứng	Tube	Tube 82g	4.000

666	Lô 127	Bộ dung dịch xét nghiệm tế bào cổ tử cung, âm đạo kỹ thuật Liqui-PREP® Special Cytology Processing Kit hoặc tương đương	Các sản phẩm có tính năng kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn với Bộ dung dịch thương hiệu Liqui-PREP® hoặc Bộ dung dịch thương hiệu Liqui-PREP® Được ứng dụng theo kỹ thuật Liqui-Based Cytology (LBC) thế hệ thứ hai. Sản phẩm được phát triển dựa trên những tiến bộ của ngành hóa học tiên tiến. Liqui-PREP® được thiết kế tạo ra các lam có chứa hình thái tế bào học chất lượng cao dùng cho Bác sĩ Giải Phẫu Bệnh phân tích tế bào học, có độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chẩn đoán chính xác cao hơn. Kỹ thuật này bao gồm ba thành phần cơ bản: chất bảo quản tế bào, chất làm sạch mẫu tế bào, chất kết nang tế bào lên lam kính và ống ly tâm + chổi thu tế bào. Tính năng kỹ thuật ly giải các tạp chất, làm sạch tế bào, giúp cho Bác sĩ Giải Phẫu bệnh quan sát rõ hơn và chẩn đoán chính xác cao hơn trong xét nghiệm tầm soát ung thư cổ tử cung. Tiêu chuẩn kỹ thuật: FDA/CE Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bộ	300 Bộ/ 2 carton	5.000
667	Lô 128	Chất xử lý tế bào Clear-Rite 3	- Là hỗn hợp Hydrocarbon béo Isoparafinic trong suốt, không màu để xử lý mô và nhuộm mô - Thành phần: + Naphtha (petroleum), hydrotreated heavy + Naphtha (petroleum), light alkylate - Loại bỏ chất béo tuyệt đối trong xử lý mô - Khử paraffin hoàn toàn và làm sạch trong quá trình nhuộm - Không làm cho mẫu bị khô cứng khi phơi nhiễm kéo dài - Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động - Không benzene, gần như không mùi - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, EC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Bình	Thùng/ 4x3,8 lít	140
668	Lô 129	Chất nhuộm tế bào Eosin Y	- Thành phần: Ethyl alohol, Nước, Methyl alcohol, Isopropyl alcohol, Acetic acid, Eosin-Y Dye - Bắt màu nhanh, phân định thành phần tế bào rõ nét, nhuộm tế bào chất của cơ, tế bào hồng cầu và mô liên kết với ba màu khác biệt từ hồng đến đỏ - Không lẫn lộn màu tế bào nhân và tế bào chất - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, EC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Hộp/ 4x473ml	20
669	Lô 130	Chất gắn, cố định tế bào Formalin	- Thành phần: Nước, Formaldehyde, Methyl alcohol, Sodium phosphate dibasic, Sodium phosphate, monobasic - Là chất lỏng trong suốt, không màu - pH ổn định 6.8-7.2 - Chất lượng được kiểm soát nghiêm ngặt đảm bảo nồng độ formalin luôn là10% - Ổn định ở nhiệt đông lạnh - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, EC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Lít	Thùng/ 5x4 lít	1.200

670	Lô 131	Chất nhuộm tế bào Hematoxylin	- Thành phần: Nước, Ethylene glycol, Aluminum sulfate dodecahydrate, Acetic acid, Hematoxxylin, Sodium iodate - Không có ái lực đối với nhuộm mucin - Lam nhuộm sắc nét, nhiễm sắc thể vùng nhân được phân định rõ ràng - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, EC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Hộp/ 4x473ml	60
671	Lô 132	Chất nhuộm tế bào OG-6	- Thành phần: Ethyl alcohol, Nước, Isopropyl acohol, Methyl alcohol, Orange-G Certified, Phosphotungstic acid - Nhuộm keratin trong tế bào, màu nhuộm sáng, bắt màu nhanh - Sử dụng chất nhuộm OG với EA-36 hoặc EA-50 khi nhuộm bệnh phẩm phụ khoa - Sử dụng nhuộm OG với EA-65 để nhuộm các bệnh phẩm ngoài phụ khoa - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, EC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Hộp/ 4x473ml	20
672	Lô 133	Chất nhuộm tế bào EA-50	- Thành phần: Ethyl alcohol, Nước, Isopropyl alcohol, Methyl alcohol, Eosin-Y Dye, Phosphotungstic acid, Fast green fcf, Bismarck Brown Y Màu nhuộm bào tương sáng, có thể điều chỉnh cường độ màu - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, EC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Chai	Hộp/ 4x473ml	20
673	Lô 134	Chất gắn, cố định tế bào Parafin - Parafin Type 6	- Thành phần: + Paraffin waxes and Hydrocarbon waxes: ≥ 99% + Microcrystalline wax: ≤ 1 % + 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol: ≤ 0.05 % - Là chất rắn màu trắng ở nhiệt độ phòng và là chất lỏng, trong suốt không màu khi nóng chảy. - Nhiệt độ nóng chảy ổn định: 55-57°C - Sáp tinh khiết không chứa polymer, sử dụng cho xử lý mô và đúc khối - Các Paraffin được lọc ba lần đến 0,25µm giúp loại bỏ mọi tạp chất, thiết kế dạng vảy giúp cho thời gian nóng chảy nhanh hơn. - Đóng gói: túi ≤ 1 kg, có thể đóng mở nhiều lần, dễ sử dụng - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, EC Xuất xứ: các nước thuộc nhóm G7	Kg	Thùng/ 10x0,9kg	500

CÔNG TY .....

PHỤ LỤC 02
BẢNG BÁO GIÁ
Kính gửi: Bệnh viện Lê Văn Thịnh

Căn cứ Thư mời số 15/TM-BVLVT ngày 18/3/2026 về việc mời báo giá để làm căn cứ mua sắm hóa chất, vật tư xét nghiệm năm 2026 - 2027 tại bệnh viện Công ty ..... xin gửi đến bệnh viện Lê Văn Thịnh báo giá các hàng hóa, cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa (theo danh mục mời chào giá)	Tên thương mại của hàng hóa	Tính năng kỹ thuật	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Mã sản phẩm	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Khối lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền	Ghi chú (nếu có)
LÔ												
.....												
.....												
.....												
LÔ												
.....												
.....												
LÔ												
LÔ												
LÔ												

Bảng chào giá có hiệu lực trong vòng 90 ngày, kể từ ngày 01/4/2026

....., ngày ..... tháng ..... năm 2026
(NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT)
(KÝ TÊN, ĐÓNG DẤU)

Ghi chú:

- Quy cách, tiêu chuẩn chất lượng, xuất xứ: Công ty cung cấp đầy đủ thông tin của sản phẩm tham dự chào giá
- Từ lô 01 đến lô 30: 1 lô có nhiều sản phẩm vì vậy Công ty gửi chào giá cho tất cả các sản phẩm có trong lô